

HỘI TOÁN HỌC VIỆT NAM



THÔNG TIN TOÁN HỌC

Tháng 3 Năm 2006

Tập 10 Số 1



Jules Henri Poincaré (1854-1912)

Lưu hành nội bộ

Thông Tin Toán Học

- Tổng biên tập:

Lê Tuấn Hoa

- Ban biên tập:

Phạm Trà Ân
Nguyễn Hữu Dư
Lê Mậu Hải
Nguyễn Lê Hương
Nguyễn Thái Sơn
Lê Văn Thuyết
Đỗ Long Vân
Nguyễn Đông Yên

- Bản tin **Thông Tin Toán Học** nhằm mục đích phản ánh các sinh hoạt chuyên môn trong cộng đồng toán học Việt nam và quốc tế. Bản tin ra thường kì 4-6 số trong một năm.

- Thể lệ gửi bài: Bài viết bằng tiếng việt. Tất cả các bài, thông tin về sinh hoạt toán học ở các khoa (bộ môn) toán, về hướng nghiên cứu hoặc trao đổi về phương pháp nghiên cứu và giảng dạy đều được hoan nghênh. Bản tin cũng nhận đăng các bài giới thiệu tiềm năng khoa học của các cơ sở cũng như các bài giới thiệu các nhà

toán học. Bài viết xin gửi về toà soạn. Nếu bài được đánh máy tính, xin gửi kèm theo file (đánh theo ABC, chủ yếu theo phong chữ .VnTime, hoặc unicode).

- Mọi liên hệ với bản tin xin gửi về:

*Bản tin: **Thông Tin Toán Học**
Viện Toán Học
18 Hoàng Quốc Việt, 10307 Hà Nội*

e-mail:

hthvn@math.ac.vn

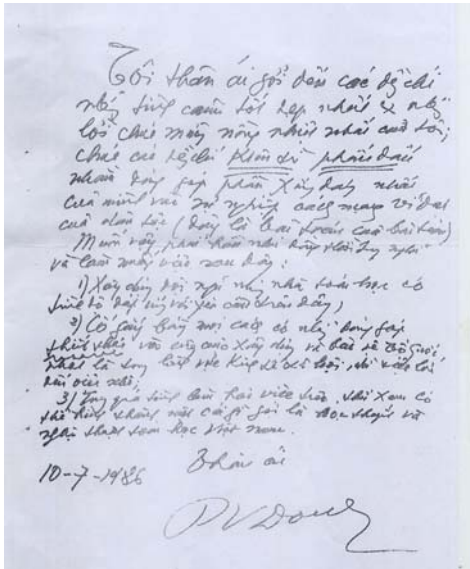
© Hội Toán Học Việt Nam

Kỷ niệm 100 năm ngày sinh của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng

*Thư của Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng
Gửi các Nhà Toán học*

Năm nay chúng ta kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng (1/3/1906 — 1/3/2006), người rất quan tâm đến việc xây dựng và phát triển Toán học ở nước ta. Nhân dịp này chúng tôi xin giới thiệu với bạn đọc hai bức thư của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng gửi các nhà toán học, như thấp một nén hương để tưởng nhớ đến Người.

Bức thư thứ nhất. Đó là vào những năm 1980-90. Viện Toán bước vào giai đoạn xây dựng Viện về mọi mặt để trở thành một Viện Toán học theo các chuẩn mực quốc tế. Năm 1986 khi được biết Viện Toán đã tiến một bước dài trên con đường xây dựng Viện theo các chuẩn mực quốc tế, Thủ tướng đã viết thư tay động viên và căn dặn cán bộ Viện Toán kiên trì phấn đấu hơn nữa. Toàn văn bức thư như sau:



Tôi thân ái gửi đến các đồng chí những tình cảm tốt đẹp nhất và những lời chúc mừng nồng nhiệt nhất của tôi; Chúc các đồng chí kiên trì phấn đấu nhằm đóng

góp phần xứng đáng nhất của mình vào sự nghiệp cách mạng vĩ đại của dân tộc (đây là bài toán của bài toán).

Muốn vậy phải hầu như đồng thời suy nghĩ và làm mấy việc sau đây :

- 1) Xây dựng đội ngũ những nhà toán học có trình độ đáp ứng với yêu cầu trên đây;
- 2) Cố gắng bằng mọi cách có những đóng góp thiết thực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong lĩnh vực kinh tế xã hội, từ việc lớn đến việc nhỏ;
- 3) Trong quá trình làm hai việc trên, thử xem có thể hình thành một cái gì gọi là học thuyết và nghệ thuật toán học Việt nam.

Ngày 10-7-1986
Thân ái
Phạm-Văn-Đồng

Năm 1994, điều mong đợi của Thủ tướng đã phần nào trở thành hiện thực. Trên cơ sở các thành tích xây dựng theo các chuẩn mực quốc tế, Viện Toán học của chúng ta đã được thế giới biết đến. Bằng chứng là Viện Hàn lâm Khoa học của Thế giới thứ ba đã công nhận Viện là một trong số 10 Trung tâm Toán học xuất sắc của Thế giới thứ 3 và bắt đầu gửi các nhà toán học trẻ từ các nước đang phát triển và chậm phát triển đến Viện để học tập và nghiên cứu.

Bức thư thứ hai. Đó là vào năm 1991, lúc này Thủ tướng đã về hưu và sức khỏe cũng không còn được tốt như trước đây. Nhưng khi được tin Giáo sư Lê Văn Thiêm, nguyên chủ tịch đầu tiên của Hội



Thủ tướng Phạm Văn Đồng và nguyên Bộ trưởng Tạ Quang Bửu thăm Viện Toán học năm 1982

Toán học Việt Nam, nguyên Viện trưởng đầu tiên của Viện Toán, đã từ trần tại thành phố Hồ Chí Minh, Thủ tướng đã viết bức thư sau đây cho phu nhân của GS Lê Văn Thiêm :

Hà nội , ngày 12 tháng 7 năm 1991

Thân ái gửi chị LÊ VĂN THIÊM

Chị Lê Văn Thiêm thân mến,

Tôi rất thiết tha với những dòng chữ trong thư này để chia sẻ với chị và các cháu nỗi đau buồn mà tôi có thể hình dung được từ đây, sau khi nghe tin đồng chí Lê Văn Thiêm vừa từ trần. Có thể chị không biết hết những quan hệ thân tình giữa tôi và anh Thiêm trong suốt thời gian anh hoạt động và phấn đấu quên mình ở miền Bắc.

Tôi rất ân hận vì chậm viết bức thư này bởi lẽ tôi biết tin về sự qua đời của anh Lê Văn Thiêm quá muộn.

Anh Lê Văn Thiêm qua đời càng làm nổi bật tầm vóc và sự cống hiến của nhà toán học và người chiến sĩ cộng sản Lê Văn Thiêm. Đó là điều từ đáy lòng tôi muốn nói với chị và nói với hương

hồn người đã khuất, đồng thời có thể nói với mọi người.

Tôi thân ái chúc chị vũ trang cho mình lòng dũng cảm và ý chí phấn đấu vì đời sống của gia đình.

Tôi gửi chị và các cháu lời chúc tốt đẹp và lời chào thân ái.

Phạm Văn Đồng

TB: Nếu chị có gì cần tôi thì chị gửi thư cho tôi theo địa chỉ : Phạm-Văn-Đồng, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Một bức thư thật cảm động và đầy tình nghĩa!

Thư gửi cho Phu nhân GS Lê Văn Thiêm, nhưng cũng có thể xem như là gửi cho các nhà toán học, vì như Cố Thủ tướng đã có viết trong thư : “□Tôi muốn nói với chị và nói với hương hồn người đã khuất, đồng thời có thể nói với mọi người□. . .

Sự quan tâm và tình cảm của Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng giành cho các nhà toán học là như thế đấy!

Phạm Trà Ân (Viện Toán học)

HENRI POINCARÉ: Cuộc đời phục vụ khoa học

Jean Mawhin

Lời giới thiệu. Để kỷ niệm 100 năm ngày ra đời (1905) của lý thuyết tương đối và 150 năm ngày sinh của Poincaré, chúng tôi xin giới thiệu bài: □*Henri Poincaré. A life in the Service of Science*□, đăng trong □*Notices of AMS, Vol. 52, 9, 1036-144 pp*□, phác họa chân dung và giới thiệu sơ lược về những cống hiến to lớn của nhà toán học vĩ đại người Pháp Henri Poincaré.

Năm 2005 (năm của các nhà vật lý), toàn thế giới đã kỷ niệm ngày ra đời của lý thuyết tương đối, gắn liền với tên tuổi của A. Einstein, nhà vật lý vĩ đại nhất thế kỷ thứ 20. Thực ra, A. Einstein là cha đẻ của lý thuyết tương đối rộng, còn lý thuyết tương đối hẹp thì không thể không nhắc tới những đóng góp của H. Poincaré. Hơn nữa H. Poincaré còn là cha đẻ của lý thuyết nhiễu loạn, lý thuyết này đang được tất cả các nhà khoa học thế giới quan tâm.

Sơ lược tiểu sử

Vào năm 1954 cộng đồng toán học thế giới tổ chức kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Henri Poincaré. Tại thời điểm đó, tên tuổi của Poincaré chưa đạt đến đỉnh điểm nổi tiếng trong giới toán học, và lúc đó tư tưởng của Hilbert còn ngự trị trong Toán học. Sự nổi tiếng của ông cũng chưa ở đỉnh điểm trong giới Vật lý, bởi vì lúc đó Vật lý chủ yếu quan tâm tới lý thuyết lượng tử.

Tuy nhiên, lễ kỷ niệm đã trở nên quan trọng ở những nơi mà ở đó sự hiện diện hoặc tên tuổi của Poincaré là có ý nghĩa. Kỷ yếu của hội nghị này được ấn hành như một quyển sách ghi nhớ và được in trong tập cuối của tuyển tập các công trình của Poincaré.

Năm nay (2005), kỷ niệm lần thứ 150 ngày sinh của Poincaré, tên tuổi của ông đã đạt đến những đỉnh cao mới trong giới khoa học và ngay cả trong giới những người ngoại đạo. Lý thuyết hỗn loạn (chaos) và sự khởi đầu của tương đối hẹp đã đưa tên tuổi và hình ảnh của Poincaré

xuất hiện trên tất cả những tạp chí khoa học nổi tiếng. Mặc dù năm 2005 một số cuốn sách mới về Einstein đã vừa đưa thêm vào một danh sách dài, nhưng chúng ta vẫn mong đợi một tiểu sử chi tiết về Poincaré. Trình bày ở đây là một giới thiệu đầy ấn tượng về Poincaré, một người đàn ông chân chính và một nhà khoa học.

Thời thơ ấu, quá trình học tập

Poincaré sinh ngày 29-4-1854 tại Nancy, ở khách sạn Martigny, một biệt thự đã bị chuyển thành một hiệu thuốc vẫn còn tồn tại ở góc đại lộ lớn và đường Guise. Gia đình Poincaré được nhiều người ở Lorraine biết đến. Ông nội của ông là Jaques-Nicolas, là một dược sỹ; bố của ông, Leon, một nhà thần kinh học, là giáo sư trường Y, bác của ông, Antoni (là cha của Raymon, sau này là tổng thống của Cộng hòa Pháp), tốt nghiệp ở Ecole Polytechnique, là tổng thanh tra ngành cầu đường của Pháp. Mẹ của Henri, bà Eugénie Launois, xuất thân từ một gia đình nông dân quyền quý ở Arrancy. Em gái Henri, lấy nhà triết học nổi tiếng Emile Boutroux và con trai Peter của họ là một nhà toán học và triết học tài năng.

Ngoại trừ một lần phải vật lộn với bệnh bạch hầu khi lên 5, tuổi thơ của Poincaré được miêu tả giống như trong một câu chuyện cổ tích. Những trò chơi mà Henri nghĩ ra cùng em gái và những anh em họ đã bộc lộ một trí tưởng tượng vô biên của Henri, và một người gia sư riêng tài giỏi đã nuôi dưỡng trí nhớ phi thường của cậu. Tại trường trung học Nancy (sau này là trường trung học Henri Poincaré), Henri nhanh chóng được chú ý như một học sinh đứng đầu lớp, cậu tỏ ra là một “quái kiệt toán học” trong những năm cuối ở trường. Sau khi nhận được bằng tú tài về văn chương và khoa học, Henri trở

nên nổi tiếng trong hai năm mà Henri dùng để chuẩn bị về toán cho kỳ thi để vào những “trường danh tiếng” (grandes ecoles).

Xếp thứ năm trong số sinh viên xuất sắc nhất được nhận vào Ecole Normale Supérieure và xếp thứ nhất trong số sinh viên đổ vào Ecole Polytechnique, nhưng Poincaré lựa chọn Ecole Polytechnique và khi tốt nghiệp trường này ông đứng thứ hai. Sau đó, Henri chuyển đến trường Đại học Mỹ, nơi mà tinh thể học đã quyết định sở thích toán học của Poincaré vì có thể gợi cảm hứng cho niềm đam mê vĩnh cửu của ông đối với lý thuyết nhóm. Sau khi bị từ chối làm giảng viên Đại học Sorbonne, Paris, Poincaré được cấp bằng về toán ở Khoa Khoa học tại Paris vào tháng 8 năm 1876.

Trong hai năm cuối ở Đại học Mỹ, Poincaré đã chuẩn bị cho luận án tiến sĩ về Toán. Ông bảo vệ luận án ngày 1-8-1879 tại Khoa Khoa học trước hội đồng gồm Bonnet, Bouquet, và Darboux. Luận án đã mở rộng cho phương trình đạo hàm riêng một số kết quả kinh điển của Briot và Bouquet về phương trình vi phân thường kỳ dị. Nhận xét của Darboux, đánh giá rất cao về kết quả và phương pháp, đã không quên nhấn mạnh về sự sáng sủa trong phong cách trình bày.

Sự nghiệp và cá tính

Lúc đầu, Poincaré làm kỹ sư mỏ ở Vesoul vào tháng tư năm 1879. Trong vài tháng ở đó ông đã có một chuyến viếng thăm đầy nguy hiểm ở hầm Magny, nơi một vụ nổ khí mỏ đã giết chết 16 công nhân. Dù đã rời khỏi đó, nhưng Poincaré suốt đời vẫn là (và được đề bạt!) một thành viên của Liên đoàn mỏ.

Sự nghiệp khoa học của ông bắt đầu ở Khoa Khoa học ở Caen, nơi ông dạy giải tích năm 1879. Hai năm sau ông chuyển tới Paris với tư cách là giảng viên giải tích ở Khoa Khoa học. Ông lần lượt được cử làm giảng viên về cơ học và vật lý thực nghiệm năm 1885, là giáo sư về

Vật lý toán và Xác suất năm 1886, giáo sư về toán thiên văn và Cơ học thiên thể năm 1896. Ông cũng dạy Thiên văn ở Ecole Polytechnique và Lý thuyết điện tại Đại học Bưu chính viễn thông (Ecole des Potes et Telegraphes). Ông còn là một thành viên của Cục địa chính .



Những sinh viên cũ của ông miêu tả Poincaré như một nhà giáo tận tâm hơn là một giảng viên lỗi lạc. Theo Robert d' Adhemar thì:

Từ đầu, chiếc bảng bị bao phủ bởi các công thức và ông có một thể lực phi thường. Ngôn từ đến rất nhanh và không bị áp úng. Các bài giảng của ông vô cùng chân phương.

Theo Maurice d' Ocagne thì:

Không thể nói rằng Poincaré là một giáo sư xuất sắc. Ông không có tài hùng biện cần thiết để giảng bài thật hay.

Theo Leon Brillouin thì:

Tôi đã nhiều lần nhìn thấy Poincaré khi rời mắt khỏi bài giảng, thông báo rằng ông muốn kiếm phương pháp khác và cải tiến chúng ngay ở trên bảng trước mặt chúng tôi.

Theo Louis Bourgoïn thì:

Trong những năm 1910 và 1911, Poincaré là nhà khoa học nổi tiếng, lời cuốn những người Paris bình thường đến nghe ông giảng. Trong những bài giảng đầu tiên, hội trường đông nghịt người nghe, nhưng may thay, đám đông bị giảm đi nhanh chóng. Kể từ bài giảng thứ ba chỉ còn một vài sinh viên

và vài người khao khát muốn nghe. Poincaré luôn kết thúc bằng một công thức đơn giản, phiên dịch chúng thành một ngôn ngữ hoàn toàn trừu tượng và buộc chúng tôi phải hiểu những điều đó.

Một phân tích chi tiết của Toulouse cung cấp những thông tin thú vị về Poincaré ở tuổi 43:

Poincaré cao 1m65, nặng 70 kg, trông có tướng mạo, hơi giống một cái chuông lớn. Mặt ông hồng hào, mũi to và đỏ. Tóc màu hạt dẻ và rìa màu ánh bạc.

Ông không hút thuốc và chẳng bao giờ thử hút. Ông dường như không ngại lạnh và cũng không hay bị cảm lạnh hơn mọi người. Tuy nhiên, ông thường bị lệ thuộc vào thời tiết. Khi ngủ ông đóng kín các cửa sổ.

Những điểm nổi trội của ngoại hình gây cảm giác rằng ông thường xuyên căng trí. Khi nói chuyện với ông, mọi người có cảm giác rằng ông không bám sát và hiểu những điều được nói ra, mặc dù ông vẫn trả lời hoặc nghĩ về các câu hỏi.

Ông tin rằng mình có một đặc điểm thư thái, nhẹ nhàng và nhiệt thành. Nhưng ông không có sự kiên nhẫn trong hành động, thậm chí trong cả công việc của mình. Ông dễ nổi cáu không phải vì tự ái và cũng không phải vì quan niệm của mình, ông cũng không dễ gần và cũng không là mẫu người dễ phớt lác.

Trong thực tế cuộc sống, ông là người sống có khuôn phép. Ông không gia trưởng nhưng đánh giá đúng giá trị của lối sống này. Ông nói chính xác nhưng có chút e thẹn. Vì thế ông tránh nói ở nơi công cộng khi không chuẩn bị trước, ngoại trừ trong các cuộc họp khoa học. Trước khi nói, ông chuẩn bị sẵn một số câu nhưng không phải là học thuộc lòng chúng.

Ông không chơi cờ và tin tưởng rằng mình không thể là người chơi cờ giỏi. Ông không đi săn bắn.

Một tạp chí nổi tiếng (L'Illustration) năm 1912 phác họa hình ảnh sau:

Rất đơn giản và nhã nhặn, có vẻ như ông đang đi trên mây, gây cảm giác rằng ông phải cố giữ cân bằng giữa một bên là nhà toán học của trường phái mới, không giống dáng vẻ nghệ sỹ thường có của một người Paris, và một bên là nhà toán học cổ điển,

hình thể khó coi đang chúm mũi vào các phương trình của mình.

Một năm đáng nhớ

Quãng thời gian ở Caen có hai điều đáng nhớ đối với Poincaré. Giữa tháng 8-1879 và tháng 10-1881, Poincaré kết hôn với Louise Ponlain d' Andecy (họ có 3 người con gái: Jeanne, Yvonne, Henriette- tiếp theo là một cậu con trai, Leon) và gửi hơn 12 thông báo ngắn cho Thông báo của Viện hàn lâm khoa học Paris (Comptes Rendus de l'Académie des Sciences de Paris) đề cập đến 3 chủ đề khác nhau: Số học của các dạng, lý thuyết định tính phương trình vi phân, và các hàm tự đẳng cấu.

Việc nghiên cứu các dạng toàn phương và các dạng bậc ba bắt nguồn từ công trình của Charles Hermite, người mà vào thời điểm đó được xem là nổi bật nhất trong số các nhà toán học Pháp. Hermite dạy giải tích cho Poincaré ở Ecole Polytechnique và ông nổi tiếng với việc chứng minh tính siêu việt của số e cùng với những kết quả khác. Ông rất có thiện cảm với công trình của Poincaré, cho dù sự khởi đầu của Poincaré với hình học phi Euclid khi nghiên cứu các dạng bậc 3 hoàn toàn bị chính nhà giải tích già nua này phản đối, vì Hermite luôn chán ghét hình học. Hermite đã đề nghị Poincaré đọc công trình của Kronecker (không bỏ qua một chi tiết nào) và đưa ra những lời khuyên, mà Poincaré đã không coi trọng, khi hoàn thiện phong cách viết của riêng mình.

Bản thân Poincaré đã kể lại chuyện là làm thế nào mà ông khám phá ra các hàm tự đẳng cấu và ta sẽ không nhắc lại dư âm nổi tiếng của các kiệt tác này. Các hàm tự đẳng cấu, một sự mở rộng của các hàm lượng giác (tuần hoàn) và các hàm elliptic (tuần hàm kép), là những hàm mà giá trị của nó được lặp lại dưới tác động của một nhóm rời rạc các phép thế biến đồng dạng. Các hình lát hoa trong mặt phẳng phức, được lập thành bởi các hình chữ nhật cho các hàm elliptic, được thay thế bằng những hình

cong tuyến tính bị chặn bởi những đường cong mà Poincaré đồng nhất với “đường thẳng” trong mô hình mới của hình học Lobatchevsky. Những mô tả nổi bật có thể tìm thấy trong các bức vẽ của Escher. Ở Göttingen, Felix Klein cũng cố gắng đi theo con đường của Poincaré, nhưng cuối cùng đã gặp phải một thất bại nặng nề, làm phá sản sự nghiệp của ông như một nhà nghiên cứu. Khi Klein quở trách Poincaré về việc đặt tên cho một số khám phá mới của mình-các hàm “Fuchsian”- để thừa nhận những cảm hứng tìm thấy trong một ghi chép của Fuchs, nhà toán học Pháp (Poincaré) đã phản ứng lại một cách trở trêu bằng việc gọi lớp các hàm nối tiếp mà ông khám phá là Kleinian.

Động cơ của Poincaré xuất phát từ một vấn đề của Hermite nhằm đạt được giải thưởng lớn của VHLKH Paris năm 1880: để hoàn thiện theo một phương pháp quan trọng cho lý thuyết phương trình vi phân thường tuyến tính.

Poincaré trả lời vấn đề này bằng một loạt các bài báo lộn xộn, lạnh lùng và những ghi chép bổ sung, theo sự tiến triển dữ dội trong tư duy của ông. Kế hoạch hỗn loạn này làm lúng túng cho VHLKH và giải thưởng được trao cho George Halphen về một bài viết cẩn thận hơn nhưng kém hơn về tính cách mạng và chỉ có một phần thưởng khuyến khích dành cho Poincaré. Bên cạnh hình học phi Euclid, một phần trong hướng nghiên cứu của Poincaré là chỉ số Kronecker, khởi đầu của ông trong việc dùng những công cụ tô pô trong nghiên cứu những điểm kỳ dị và chu trình giới hạn của phương trình vi phân, nghiệm tuần hoàn của bài toán 3 vật và sự rẽ nhánh hình dạng cân bằng của dòng chất lỏng quay khi tốc độ quay giảm.

Ba ngôi sao của Hermite và giải thưởng của nhà vua Oscar

Bên cạnh Poincaré, hai ngôi sao khác mọc lên xung quanh Hermite có thể được miêu tả như một gia đình toán học. Người đầu tiên là Paul Appell, người lấy

cháu gái của Joseph Bertrand, anh rể của Hermite, nằm trong số các nhà toán học có ảnh hưởng nhất và là viện sĩ. Người thứ hai là Emile Picard, vừa mới nổi tiếng năm 1879 nhờ định lý của ông về các hàm nguyên, là con rể Hermite. Hermite đáng thương chịu sức ép của vợ, người ủng hộ Picard, và chịu sức ép của người anh rể đáng kính, người ủng hộ Appell. Hermite gửi thư cho ông Mittag-Leffler, là sinh viên cũ của Weierstrass và là chồng cô con gái giàu có của “Vua thuốc lá” Phần Lan: “Bằng một giọng nhỏ nhẹ và tự tin, lo sợ bị bà Hermite trông thấy, tôi nói với ông rằng trong số ba ngôi sao toán học của tôi, Poincaré dường như là người xuất sắc nhất. Hơn nữa cậu ta là một chàng trai sáng sủa, cũng đến từ Lorraine giống như tôi, người hiểu gia đình tôi rất rõ”.

Bằng tài chỉ huy của một nhạc trưởng khéo léo trong việc phân công các vị trí ở Sorbonne, Hermite đã thành công trong việc chỉ định hầu như đồng thời Appell về Cơ học, Picard về Giải tích, Poincaré về Vật lý toán và Xác suất. Việc làm tương tự được tiến hành sau đó vài năm trong việc chỉ định vào viện hàn lâm. Poincaré được bổ nhiệm Viện sĩ năm 1887, Picard năm 1889, và Appell năm 1892.

Vào năm 1885, theo một lời gợi ý của Mittag-Leffler, vua Oscar II của Thụy Điển quyết định kỷ niệm sinh nhật lần thứ 60 của mình bằng việc trao giải thưởng cho một đóng góp quan trọng thuộc giải tích toán học, một ví dụ hiếm thấy ở một vị vua chúa. Giải thưởng bao gồm một huy chương vàng và 2500 coron tiền vàng. Bất kỳ công trình nào được xem xét trao giải phải đề cập đến một trong những chủ đề sau:

1. Bài toán n-vật trong cơ học thiên thể.
2. Mở rộng của Fuchs cho những hàm siêu elliptic.
3. Các hàm được xác định bởi một phương trình vi phân cấp 1.
4. Những liên hệ đại số giữa các hàm Fuchs có một nhóm chung.

Cuộc so tài này hoàn toàn thích hợp với sở trường toán học của Poincaré và ông quyết định nghiên cứu câu hỏi thứ nhất. Ông gửi một bài báo dài 160 trang với nhan đề “Về bài toán ba vật và các phương trình của một hệ động lực”. Mặc dù công trình này không trả lời được đầy đủ câu hỏi, nhưng hội đồng bao gồm Weierstrass, Hermite và Mittag-Leffler đã trao giải cho Poincaré với lời bình: “Đây là một công trình sâu sắc và nguyên bản của một thiên tài toán học, một trong số những nhà toán học xuất sắc nhất của thế kỷ này. Những câu hỏi quan trọng và khó nhất, chẳng hạn như sự ổn định của hệ thống thế giới, được khám phá bằng việc sử dụng những phương pháp mở ra một kỷ nguyên mới của cơ học thiên thể.”

Những tờ báo tiếng Pháp bình luận rộng rãi về sự kiện này và Poincaré đã được tặng huân chương Bắc Đẩu Bội Tinh hạng nhất.

Trong lúc in công trình của Poincaré, từ tháng 7 đến tháng 11 năm 1889, Phragmen, một cộng sự trẻ của Mittag-Leffler khi biên tập công trình này đã phát hiện ra những phần không rõ ràng về mặt Toán học. Những lời giải thích đầu tiên của Poincaré, được cụ thể hóa trong 9 bài báo ngắn kèm thêm, và được đón nhận bằng một sự im lặng kéo dài. Trong một lá thư đầy lo lắng, tháng 12 năm 1889, Poincaré đã thừa nhận một sai lầm dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng: kết luận về sự ổn định của hệ mặt trời là không có hiệu lực! Khi lá thư đến Stockholm, Mittag-Leffler, người đã chủ quan cho phát hành số báo của Acta Mathematica trong đó có công trình này của Poincaré, đã phải dùng tất cả tài ngoại giao và ảnh hưởng của mình để thu lại toàn bộ số tạp chí đó trở về Stockholm. Một bản trong số chúng đã được tìm thấy ở Stockholm trong thập niên cuối cùng của thế kỷ 20, trái với thông tin trong một văn bản viết tay: “Toàn bộ số tạp chí này đã bị hủy”.

Cuối cùng, Poincaré đã gửi một phiên bản mới của công trình vào tháng 6 (1890)- dài 270 trang-và phải trả toàn bộ

số tiền cho việc in ấn nó, số tiền lớn hơn 2500 curon tiền thưởng! Nhưng tai họa đã không chỉ dừng ở đây: vài năm trước đó, Huy chương của vua Oscar bị đánh cắp tại căn buồng của cháu nội Poincaré.

Khi sửa chữa sai lầm của mình, Poincaré đã khám phá ra một mỏ vàng của toán học và khoa học bằng việc mở đường cho lý thuyết hỗn loạn (chaos). Theo cách nói của ông:

Khi ta cố vẽ lên hình ảnh tạo bởi hai đường cong có vô số giao điểm, mỗi một giao điểm tương ứng với nghiệm tiệm cận bội, các giao điểm của chúng lập thành một hình kiểu mạng, web hoặc mắt lưới dày đặc. Ta bị ngợp bởi độ phức tạp của hình này tới mức tôi không cố để mô tả nó.

Trong một văn bản dễ hiểu hơn, sau đó ông đã cố giảng giải về những hệ quả có thể có của những khám phá này:

Có thể chỉ với một sai khác nhỏ của điều kiện ban đầu gây ra thay đổi lớn ở trạng thái kết thúc.

Hiệu ứng cánh bướm được ra đời, nhưng với Poincaré việc săn tìm cánh bướm này là một thử thách cực kì gay gát.

Về Vật lý toán

Thời kỳ bất thường và hỗn loạn trong nghiên cứu liên quan đến giải thưởng của vua Oscar không ngăn cản Poincaré đảm nhiệm nghiêm túc vị trí giảng viên về Vật lý toán. Nếu không là một giảng viên vĩ đại thì ông cũng là một nhà giáo rất tận tâm. Mỗi học kỳ ông đều chọn những chủ đề mới và các bài giảng được những sinh viên giỏi nhất của ông biên tập lại. Tất cả tài liệu này được xuất bản trong hơn 12 tập, bao phủ toàn bộ Vật lý cổ điển (động lực chất lỏng, đàn hồi, lý thuyết thế vị, ma dẫn, nhiệt động học, quang học, điện từ học) và Xác suất, một lĩnh vực mà Poincaré có những phát minh và kỹ thuật toán điều luyện.

Trong nhiều vấn đề khác, ông thảo luận cẩn thận về thí nghiệm của Hertz về truyền sóng ánh sáng và là khởi đầu cho truyền tin không dây (vô tuyến điện).

Quyển sách của ông về lý thuyết Maxwell chứa đựng những mầm mống cho thuyết tương đối hẹp và đưa ông đến việc phân tích, hiệu chỉnh và đặt tên cho biến đổi Lorentz. Poincaré xuất bản vào năm 1905 một thông báo ngắn (kèm theo một ghi chép bổ sung dài) về động lực điện từ, bao gồm toàn bộ toán học của thuyết tương đối hẹp. Các nhà lịch sử khoa học vẫn còn thảo luận sôi nổi về quyền ưu tiên giữa Einstein và Poincaré, và nếu mọi người theo những ấn phẩm gần đây, thì có thể kết luận được rằng chỉ có Hercule Poireau mới có thể tiết lộ toàn bộ câu chuyện. Đáng lưu tâm là, nhà toán học Poincaré đạt đến động năng tương đối thông qua lý thuyết điện từ Maxwell, trong khi nhà vật lý Einstein sử dụng phương pháp tiên đề. Nhưng việc Poincaré là người sử dụng trước cái gọi là không gian - thời gian Minkowski là chuyện không cần bàn cãi.

Poincaré cũng công hiến 3 công trình dài giữa các năm 1890 và 1895 về phương trình đạo hàm riêng của Vật lý toán cổ điển. Ông đã khám phá ra phương pháp quét để giải bài toán Dirichlet, lần đầu tiên cho một chứng minh về sự tồn tại vô số giá trị riêng cho bài toán này, và đưa ra một số bất đẳng thức mà tới nay vẫn còn là những hòn đá tảng của lý thuyết hiện đại về phương trình đạo hàm riêng.

Một trong những hội nghị cuối cùng mà Poincaré tham dự được tổ chức tại Conseil Solvay ở Brussels, từ 30-10 đến 3-11-1911 tại khách sạn Metropole. Lorentz, Poincaré, Planck, Marie Curie, Einstein, Perrin, Langevin, Rutherford và những người khác thảo luận về sự phát triển gần đó nhất về lý thuyết lượng tử. Trong hội nghị này, Poincaré nhấn mạnh đến thách thức chính của Vật lý ở thời điểm này là: xây dựng một lý thuyết lượng tử nhất quán.

Cái khó chịu mà tôi phải nghe trong hội nghị này là cùng một lý thuyết lúc này dựa trên những nguyên lý của cơ học cổ điển, lúc khác lại dựa trên những giả thiết mới mâu thuẫn với cơ học cổ điển. Mọi người không nên quên rằng bất cứ mệnh đề nào cũng có

thể được chứng minh, nếu người ta sử dụng hai điều mâu thuẫn nhau để chứng minh.

Trở về Paris ông viết bài về chủ đề nóng hổi này, vào tháng 12 năm 1912. Đó là một trong những bài báo cuối cùng của ông, chỉ ra sự cần thiết của những bước nhảy lượng tử dùng để giải thích các số liệu thực nghiệm.

Với 49 phiếu đề cử, trong khoảng 1901 đến 1912 Poincaré là nhà khoa học nặng ký nhất cho giải Nobel về Vật lý. Việc ưu tiên cho Vật lý thực nghiệm, sự thù địch của Mittag-Leffler ở Viện hàn lâm khoa học Thụy Điển và cái chết đột ngột của Poincaré đã ngăn cản ông ghi thêm giải Nobel vào danh sách rất dài các giải thưởng khoa học của mình.

Cơ học thiên thể và tô pô

Sau cái chết đột ngột của Tisserand năm 1896, theo đề nghị của Chủ nhiệm khoa Darboux, Poincaré phụ trách môn Lý thuyết thiên văn và Cơ học thiên thể. Trong công việc khoa học, Poincaré không bao giờ tỏ ra là người khó tính và ông luôn ưu tiên cho lợi ích của khoa. Thêm nữa, các bài giảng của ông đã được xuất bản: Một tập về hình dạng cân bằng cho chất lỏng quay, ba tập về Cơ học thiên thể phát triển phương pháp nhiễu, lý thuyết mặt trăng và một tập nghiên cứu thủy triều dựa trên tích phân Fredholm và một tập cuối về giả thuyết về nguồn gốc vũ trụ. Nhưng công trình nổi tiếng nhất trong lĩnh vực này là quyển sách bất hủ: *Các phương pháp mới trong Cơ học thiên thể (Methodes nouvelles de la mecanique celeste)* xuất bản giữa những năm 1892 và 1899, một phiên bản mở rộng nhiều công trình được nhận giải thưởng vua Oscar.

Cuối thế kỷ 19, mọi người còn được chứng kiến ông xuất bản 6 công trình dài về *Analysis Situs*, hay còn gọi là tô pô đại số, trong đó các tính chất hình học thứ nguyên tùy ý được rút ra từ các cấu trúc đại số liên kết với nó. Động cơ nghiên cứu vấn đề này xuất phát từ phương trình vi phân phi tuyến và bài toán 3 vật, nhưng lý thuyết được phát triển vì chính

lý thuyết này với những ứng dụng cho hình học đại số. Trong khoảng thời gian từ 1892 đến 1901, Poincaré phát kiến ra hầu hết những công cụ cơ bản của Tôpô đại số: nhóm cơ bản, đồng điều đơn hình, công thức Euler-Poincaré và nguyên lý đối ngẫu. Thậm chí ông còn đề cập sơ lược đến đối đồng điều De Rham, và sau đó chứng minh rằng:

Mọi mặt đơn liên compact hai chiều đều đồng phôi với mặt cầu thông thường,

Ông đưa ra một *giả thuyết nổi tiếng*:

Mọi đa tạp đơn liên compact ba chiều đều đồng phôi với hình cầu ba chiều.

Ngày nay đó là một trong bảy vấn đề treo giải một triệu đôla nổi tiếng của Viện Toán Clay và có thể gần đây nhà toán học Nga Perelman đã giải quyết

xong giả thuyết nổi tiếng này. Trong một hướng khác, Poincaré đã khởi đầu cho lý thuyết hiện đại về thứ nguyên và trong một bài báo sôi động xuất hiện năm ông mất, ông mô tả định lý điểm bất động cho những ánh xạ liên tục bảo toàn diện tích của hình dạng ống tròn khi quay hai biên theo các hướng ngược nhau. Ông biết rằng chứng minh của ông chưa hoàn tất và sợ rằng không có thời gian để hoàn tất nó. Chứng minh được Birkhoff hoàn tất vào năm 1913 và lý thuyết mở rộng của Poincaré-Birkhoff ngày nay là một phần rất sôi động trong động lực Hamilton và hình học symplectic.

(còn nữa)

Biên dịch:

Nguyễn Duy Tiến và Đào Phương Bắc
(ĐHKHTN Hà Nội)

Giải thưởng Lê Văn Thiêm 2005

Hội đồng *Giải thưởng Lê Văn Thiêm 2005* gồm các ông: Hà Huy Khoái (Phó Chủ tịch Hội THVN, Viện trưởng Viện toán học, Chủ tịch), Phạm Thế Long (Chủ tịch Hội THVN, Ủy viên), Lê Tuấn Hoa (Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội THVN, Ủy viên), Nguyễn Văn Mậu (Phó Chủ tịch Hội THVN, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG Hà Nội, Ủy viên).

Hội đồng Giải thưởng nhất trí quyết định trao *Giải thưởng Lê Văn Thiêm 2005* cho các giáo viên và học sinh sau đây:

A. Giáo viên: Nguyễn Thanh Dũng, sinh năm 1961. Từ 1983-1997: giảng dạy tại trường Quốc học Huế. Từ năm 1997 đến nay: giảng dạy tại Trường phổ thông năng khiếu, ĐHQG TPHCM.

Thành tích: Đã đào tạo nhiều học sinh đoạt giải tại các kỳ thi học sinh giỏi. Trong số đó có 1 học sinh đạt giải nhất, 8 học sinh đạt giải nhì tại các kỳ thi học sinh giỏi toàn quốc, 1 học sinh đạt Huy

chương bạc Olympic Châu Á - Thái Bình Dương, 2 học sinh đạt Huy chương bạc Olympic Toán quốc tế.

B. Học sinh:

1. **Trần Chiêu Minh**, lớp 12, Trường Phổ thông năng khiếu, ĐHQGTP HCM. Thành tích: giải nhì thi học sinh giỏi toàn quốc 2005, Huy chương bạc tại Olympic quốc tế Mexico 2005.

2. **Trần Trọng Đan**, lớp 12, Trường THPT Trần Phú, Hải Phòng. Thành tích: giải nhì kỳ thi “40 năm Toán học Tuổi trẻ”, Giải nhất thi học sinh giỏi toàn quốc 2005, Huy chương bạc tại Olympic quốc tế Mexico 2005.

3. **Đỗ Quốc Khánh**, lớp 12, Trường THPT Lê Quý Đôn, Đà Nẵng. Thành tích: giải ba thi học sinh giỏi toàn quốc 2004, giải nhất thi học sinh giỏi toàn quốc 2005, Huy chương đồng tại Olympic quốc tế Mexico 2005.

HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC LẦN II VỀ ỨNG DỤNG TOÁN HỌC VÀ ĐẠI HỘI II HỘI ỨNG DỤNG TOÁN HỌC VIỆT NAM

Tổng Đình Quỳ (ĐHBK Hà Nội)

Từ ngày 23/12 đến 25/12/2005 Hội nghị khoa học toàn quốc lần II về Ứng dụng Toán học do Hội Toán học Việt Nam và Bộ Công nghiệp đồng tổ chức đã diễn ra tại trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Về dự phiên khai mạc có 384 đại biểu gồm đại diện của Hội Toán học Việt Nam, Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Bộ Công nghiệp, Bộ Khoa học - Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài nguyên - Môi trường, Bộ Bưu chính - Viễn thông..., các trường đại học và viện nghiên cứu khoa học của hầu hết các bộ ngành và vùng miền trong cả nước. Đặc biệt số các chuyên gia các ngành không thuộc giới toán học đã chiếm tới gần một nửa số đại biểu dự hội nghị.

Trong thời gian hội nghị, đã diễn ra 3 phiên toàn thể, 5 phiên song song tại 7 tiểu ban: Toán trong Tài nguyên - Môi trường, Toán trong Công nghệ thông tin, Các phương pháp Giải tích ứng dụng, Các phương pháp Vật lý toán, Toán trong Công nghiệp và Giao thông vận tải, Toán trong Quản lý - Nông nghiệp - Kinh tế, Tính toán khoa học và Tối ưu hoá, với 166 báo cáo, trong đó có 6 báo cáo mời toàn thể và 14 báo cáo mời tiểu ban. Các báo cáo cho thấy sự gắn bó hữu cơ giữa Toán học với các lĩnh vực khác nhau cùng đời sống khoa học, kinh tế - xã hội nước nhà, cũng như những thành tựu đa dạng của ứng dụng Toán học của đất nước ta trong 6 năm vừa qua kể từ Hội nghị khoa học lần I về Ứng dụng toán học 12/1999.

Trong phiên toàn thể “Diễn đàn ứng dụng toán học” diễn ra vào sáng ngày 25/12/2005, Hội nghị đã nghe nhiều tham luận của các chuyên gia các ngành đề cập đến nhiều khía cạnh khác nhau của ứng dụng Toán học trong các lĩnh

vực đời sống (công nghiệp, nông nghiệp, công nghệ thông tin, địa chất, dầu khí, tài nguyên nước, khí tượng - thủy văn...). Cũng trong phiên họp này Hội ứng dụng Toán học Việt Nam đã trao 4 giải thưởng tuyên dương 4 tài năng trẻ trong ứng dụng Toán học là cho 4 cán bộ khoa học trẻ đã có nhiều thành tích trong công tác chuyên môn, nhất là trong việc vận dụng tốt các công cụ toán học để giải quyết các vấn đề thực tế ở cơ sở.

Chiều ngày 25/12/2005 Đại hội II Hội Ứng dụng toán học Việt Nam đã diễn ra tại Hội trường C2 trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Về dự đại hội có 102 đại biểu từ 5 chi hội các vùng miền trong cả nước. Đại hội đã khẳng định một số công việc đã làm được của Ban chấp hành khoá I là: Tổ chức hội thảo về *Ứng dụng toán học trong một số ngành khoa học và kỹ thuật then chốt* (năm 2002, với 200 đại biểu), chủ trì 2 đề tài khoa học phục vụ việc xây dựng công trình thủy điện Sơn La, ra đời *Tạp chí ứng dụng toán học* (2004), xuất bản kỷ yếu Hội nghị lần I về ứng dụng Toán học (2000, 3 tập, 1000 trang), gia nhập *Hội đồng quốc tế Toán ứng dụng và công nghiệp* (2002), lập trang Web của hội ..., cũng như thông qua đề cương phương hướng hoạt động của Hội Ứng dụng toán học trong giai đoạn 2006-2010.

Đại hội đã hiệp thương cử ra Ban Chấp hành khoá II Hội Ứng dụng toán học Việt Nam gồm 35 vị, trong đó Chủ tịch Hội và Tổng Thư ký Hội được bầu trực tiếp trên Đại hội. GS Nguyễn Văn Hữu (ĐH Khoa học tự nhiên, ĐHQG Hà Nội) được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội khoá II, Tổng Thư ký kiêm Phó Chủ tịch là TS Tổng Đình Quỳ (ĐH Bách khoa Hà Nội). Các Phó Chủ tịch gồm đại diện các bộ

ngành liên quan và các nhà toán học có thành tích trong nghiên cứu ứng dụng toán học. Để ghi nhận công lao mở đường to lớn trong ứng dụng toán của Chủ tịch Hội khoá I GS Nguyễn Quý Hỷ, Đại hội đã nhất trí suy tôn GS là *Chủ tịch danh dự* Hội Ứng dụng toán học

Việt Nam. Đại hội cũng đã quyết định tổ chức Hội nghị toàn quốc lần III về Ứng dụng toán học và Đại hội III của Hội Ứng dụng toán học Việt Nam vào tháng 12 năm 2010.

HỘI NGHỊ ĐẠI SỐ - HÌNH HỌC - TÔPÔ TOÀN QUỐC TP HỒ CHÍ MINH, 25-28/11/2005. Đỗ Đức Thái (ĐHSP Hà Nội)

Từ ngày 25 đến 28 tháng 11 năm 2005, tại Khoa Toán Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đã diễn ra Hội nghị Đại số-Hình học-Tôpô toàn quốc. Hội nghị được tổ chức bởi ĐHSP Tp HCM và Viện Toán học với sự tài trợ chủ yếu của Chương trình NCCB, Đề tài trọng điểm "Đại số - Hình học - Tôpô", ĐHKHTN ĐHQG HN, ĐHSP HN.

Ban tổ chức: TS Nguyễn Thái Sơn - ĐHSP Tp. HCM (Đồng Trưởng ban), GS-TSKH Đỗ Đức Thái - ĐHSP HN (Đồng Trưởng ban), TS Phó Đức Tài - ĐHKHTN ĐHQG HN.

Ban chương trình: GS-TSKH Lê Tuấn Hoa - Viện Toán học (Đồng Trưởng ban), GS. TSKH Nguyễn Hữu Việt Hưng - ĐHKHTN ĐHQG HN (Đồng Trưởng ban), GS. TSKH Nguyễn Tự Cường - Viện Toán học, TS Nguyễn Việt Đông - ĐHKHTN ĐHQG Tp HCM, GS. TSKH Hà Huy Khoái - Viện Toán học, GS. TSKH Đào Trọng Thi - ĐHQG HN.

Ban tổ chức địa phương: TS Nguyễn Thái Sơn - ĐHSP Tp HCM (Trưởng ban), PGS. TS Bùi Xuân Hải, PGS TS Lê Hoàn Hoá, TS Trần Ngọc Hội, TS Nguyễn Hội Nghĩa, PGS. TS My Vinh Quang, TS Nguyễn Hà Thanh, PGS TS Bùi Tường Trí, TS Nguyễn Anh Tuấn, TS Lê Anh Vũ (Thường trực).

Hội nghị đã quy tụ hơn 150 đại biểu từ các trường đại học, cao đẳng và các viện nghiên cứu trong cả nước. Hội nghị khai

mạc vào hồi 8h00 sáng ngày 25 tháng 11 năm 2005 tại Giảng đường D, trường ĐHSP Tp HCM với lời phát biểu của PGS.TSKH Bùi Mạnh Nhị, Hiệu trưởng trường ĐHSP Tp HCM và GS.TSKH Lê Tuấn Hoa, Phó Viện trưởng Viện Toán học. Trong ngày làm việc đầu tiên, Hội nghị đã nghe lời phát biểu* của GS TSKH Nguyễn Hữu Việt Hưng (ĐHKHTN, ĐHQGHN) chào mừng GS Nguyễn Hữu Anh nhân dịp Giáo sư Nguyễn Hữu Anh 60 tuổi. Trong ngày làm việc thứ hai, Hội nghị đã nghe bài tưởng nhớ* PGS.TSKH Phạm Anh Minh của GS TSKH Nguyễn Hữu Việt Hưng (ĐHKHTN, ĐHQGHN) và dành một phút mặc niệm PGS.TSKH Phạm Anh Minh.

Hội nghị đã nghe các báo cáo mời của GS. TSKH Nguyễn Tự Cường (Viện Toán học), GS. TSKH Đỗ Ngọc Diệp (Viện Toán học), PGS. TS Bùi Xuân Hải (ĐHKHTN-ĐHQG HCM), TS Lê Minh Hà (ĐHKHTN-ĐHQG HN), GS. TSKH Đỗ Đức Thái (ĐHSP HN). Hội nghị cũng đã nghe hơn 30 báo cáo ngắn của các đại biểu tham dự Hội nghị.

Ban Tổ chức Hội nghị cũng đã thống nhất rằng Hội nghị Đại số - Hình học - Tôpô toàn quốc lần tới sẽ được tổ chức tại Đại học Vinh.

* Xem toàn văn bài nói trong Thông tin Toán học 9 (2005) Số 4.

TRƯỜNG ĐÔNG CIMPA VÀ HỘI NGHỊ QUỐC TẾ VỀ ĐẠI SỐ GIAO HOÁN Hà Nội 26-30/12/2005 và 3-6/1/2006

Hà Huy Tài (Viện Toán học)



Vào những ngày cuối cùng của năm 2005 và những ngày đầu tiên của năm 2006, Trường đông CIMPA và hội nghị Quốc tế về Đại số giao hoán đã được tổ chức tại Viện Toán học. Trường đông CIMPA là một trong những hoạt động khoa học được tài trợ năm 2005 của CIMPA (Centre for Pure and Applied Mathematics) thuộc nước Cộng hòa Pháp. Hội nghị quốc tế về Đại số giao hoán được tổ chức tiếp theo sau Trường đông CIMPA nhằm mục đích thiết lập và đẩy mạnh sự cộng tác nghiên cứu cũng như mối quan hệ khoa học giữa các nhà toán học trên các nước đã và đang phát triển.

Địa điểm tổ chức: Viện Toán học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Ban tổ chức: Gồm 5 giáo sư: M.Chardin (ĐH Paris 6-7, Pháp), D. Eisenbud (Viện MSRI và ĐH Berkeley, Mỹ), Nguyễn Tự Cường, Lê Tuấn Hoa và Ngô Việt Trung (Viện Toán học).

Các cơ quan tài trợ: CIMPA, Trung tâm Vật lý lý thuyết ICTP (Abdus Salam International Centre for Theoretical Physics, Ý), IMU (International Mathematical Union), tổ chức VEF (Vietnamese Education Foundation), Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Toán học, và Đề tài nghiên cứu cơ bản về Đại số, Hình học và Tô pô (DAHITO).

Trường đông CIMPA và Hội nghị quốc tế về Đại số giao hoán đã quy tụ hơn 120 đại biểu (với 45 khách nước ngoài), trong đó có nhiều chuyên gia nghiên cứu

hàng đầu về Đại số giao hoán và Hình học đại số. Đặc biệt, Trường đông CIMPA bao gồm các bài giảng của 4 giáo sư đầu ngành. Thông qua đó sinh viên Việt Nam được chuẩn bị kiến thức cơ bản, tiếp xúc với nhiều hướng nghiên cứu mới và hiện đại trong chuyên ngành.

Trường đông CIMPA đã rất thành công với sự tham gia của nhiều sinh viên và nghiên cứu sinh tại Viện Toán học cũng như các trường đại học khắp nơi trên toàn quốc. Sau khi kết thúc, từ ngày 31/12/2005 đến 2/1/2006, các giáo sư giảng bài đã có nhiều buổi giao lưu với sinh viên, nghiên cứu sinh Việt Nam qua những chuyến đi tham quan vịnh Hạ Long, Yên Tử và chùa Hương.

Hội nghị quốc tế về Đại số giao hoán cũng đã rất thành công với khoảng 40 báo cáo về các vấn đề nghiên cứu quan trọng trong lĩnh vực Đại số giao hoán và Hình học đại số. Ngoài những báo cáo mang tính thời sự và tiên phong của các chuyên gia, hội nghị còn tạo cơ hội cho nhiều cán bộ trẻ được trình bày báo cáo khoa học của mình.

Dưới đây là chương trình của trường đông CIMPA và danh sách các báo cáo của Hội nghị.

Trường đông CIMPA (26-30/12/2005):

- GS. M. Brodmann (ĐH Zürich, Thụy Sĩ): 5 bài giảng về đối đồng điều địa phương.
- GS. Cox (ĐH Amherst, Mỹ): 5 bài giảng về đa tạp toric.
- GS. Herzog (ĐH Essen, Đức): 5 bài giảng về giải tự do hữu hạn.
- GS. Ulrich (ĐH Purdue, Mỹ): 5 bài giảng về các đại số nỡ và rút gọn của các ideal.

Hội nghị quốc tế về Đại số giao hoán

1. P. Roberts: Local cohomology and the homological conjectures.
2. K. Yanagawa: Castelnuovo-Mumford regularity for complexes and weakly Koszul modules.
3. M. Brodmann: Bounds for the Castelnuovo-Mumford regularity

4. M.T. Dibaei: Graded local cohomology: attached and associated primes, asymptotic behaviours.
5. Z. Tang: A new depth for the annihilation of local cohomology modules.
6. T.J. Puthenpurakal: On a filtration of the canonical module.
7. S. Goto: The leading form ideals of a complete intersection of height two.
8. F. Planas: Arithmetic invariants of ideals generated by two elements.
9. E. Rossi: Blowup algebras of a module via Hilbert coefficients.
10. P.T. Thuy: jdeg of algebraic structures.
11. J. Verma: Fiber cones of Sally ideals and ideals with minimal multiplicity
12. N. Terai: Stanley-Reisner rings with large multiplicity are Cohen-Macaulay.
13. I. Swanson: Adjoints of ideals.
14. L. Ghezzi: Monomialization of generating sequences of valuations.
15. A. Singh: Tight closure and annihilation by elements of small valuation.
16. J.M. Àlvares: Localization of hyperplane arrangements: combinatorics and D-modules.
17. E. Hyry: Jumping numbers of a simple complete ideal in a two dimensional regular local ring.
18. C.H. Linh: Upper bound for the Castelnuovo-Mumford regularity of associated graded modules.
19. A. Conca: Nice initial complexes for classical ideals.
20. K. Divaani-Aazar: Two characterizations of pure injective modules.
21. H. Tài Hà: On the resolution of square-free monomial ideals.
22. S. Faridi: Simplicial cycles and the computation of simplicial trees.
23. T. Römer: On seminormal monoid rings.
24. T.N. Trung: On stability of $\text{Ass}(R/\mathfrak{I}_n)$.
25. J. Herzog: Prime filtration and shellable multicomplexes.
26. D.T. Cuong: Sequentially generalized Cohen-Macaulay modules.
27. A. Corso: On Ferrers ideals.
28. H.M. Lam: $N_{2,p}$ properties for binomial ideals.
29. M. Morales: On the Nash problem on arcs families on singularities.
30. R. Sazeedeh: Hilbert-Kirby polynomials, multiplicities, and graded local cohomology modules.
31. K. Wanatabe: F-thresholds.
32. J.Z. Amjadi: Cohomological dimension of generalized local cohomology modules.
33. R.O. Buchweitz: The mysteries of free divisors.
34. J. Asadollahi: Complete cohomology for complexes.
35. L.T. Nhan: On generalized regular sequences and associated primes of local cohomology modules.
36. N.T.H. Loan: On pseudo Buchsbaum modules.
37. C. Polini: Core of ideals.
38. N.T. Dung: Top local cohomology and the catenary of the unmixed part of support of a finitely generated module.
39. S. Yassemi: A theorem of Bass: past, present, and future.
40. S. Zarzuela: On the structure of the fiber cone of ideals with analytic spread one.

Nhìn ra thế giới

Việt Nam còn quá ít các bài báo khoa học đạt trình độ quốc tế

Hàng năm Liên Hiệp Quốc (LHQ) có công bố một bản báo cáo đầu tư thế giới (World Investment Report), trong đó có đánh giá chỉ số năng lực sáng tạo (Innovation Index) của 117 quốc gia thành viên của LHQ.

Chỉ số năng lực sáng tạo của một quốc gia dựa chủ yếu vào số các bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế ra trong năm đó (Output), chứ không dựa vào tổng số tiền đầu tư cho khoa học kỹ thuật (Input) của quốc gia đó. Các tạp chí quốc tế được hiểu là các tạp chí được các nhà xuất bản có danh tiếng ấn hành và được phản biện bởi các chuyên gia có uy tín nhất trong từng lĩnh vực. Cụ thể hơn, LHQ coi một bài báo khoa học là đạt trình độ quốc tế nếu bài báo đó được đăng ở một trong số 5969 tạp chí hiện có trong Cơ sở dữ liệu Web of Science của Viện Thông tin Khoa học ISI (Institute of Scientific Information), có trụ sở tại Philadelphia, Mỹ, bao gồm hàng trăm chuyên ngành khoa học tự nhiên, công nghệ, xã hội, nhân văn và nghiên cứu nghệ thuật. Tuy chưa hoàn toàn đầy đủ, nhưng LHQ coi 5969 tạp chí này là một bức tranh toàn diện của nền khoa học thế giới đương đại.

Hiện nay, hàng năm có khoảng 800000 bài báo thuộc 21 chuyên ngành khoa học và công nghệ được công bố trên 5969 tạp chí quốc tế mà ISI đã tập hợp trong kho cơ sở dữ liệu của mình. Đứng đầu danh sách là Mỹ, có khoảng 300000 bài, sau đó là Nhật, 75000 bài, kế đến là các nước có nền khoa học lâu đời như Đức, 66000 bài; Anh, 59000 bài; Pháp, 47000 bài và nước đông dân nhất thế giới Trung Quốc, 57.000 bài.

Báo cáo đầu tư thế giới năm 2005, được công bố vào tháng 9 năm 2005, cho

biết năm 1995, Việt Nam có 204 bài, xếp hạng 93/117. Năm 2004, Việt Nam có 456 bài, xếp hạng 82/117. Nếu tính thời gian 10 năm, từ 1995 — 2004, Việt Nam có 3.236 bài. Nhưng trong số này, hơn 2.400 bài (quá 3/4) là của các tác giả Việt Nam đứng chung tên với người nước ngoài, chỉ có gần 800 bài là “thuần Việt”*. Với số lượng rất khiêm tốn các bài báo khoa học đạt trình độ quốc tế như vậy, Việt Nam được LHQ xếp vào nhóm các nước có chỉ số năng lực sáng tạo mức thấp, sau 2 nhóm các nước có chỉ số năng lực sáng tạo mức trung bình và mức cao, gồm 78 nước.

Tuy nhiên, trên cái nền chung không lấy gì làm sáng sủa đó của nền khoa học Việt Nam, báo cáo của LHQ cũng chỉ ra hai điểm sáng, đó là 2 ngành Toán học và Vật lý lý thuyết đã có số bài báo “nội lực” chiếm tới 54% tổng số các bài báo “nội lực” của Việt Nam. Riêng Viện Toán học đã có 300 bài và Trung tâm Vật lý Lý thuyết có 131 bài. Các trường đại học trong cả nước có 124 bài về Toán và 31 bài về Vật lý lý thuyết.

Một vài con số và nhận xét nêu ở trên, đã vẽ lên bức tranh hoạt động Nghiên cứu và Triển khai (R&D) của nước ta. Có lẽ đã đến lúc chúng ta cũng nên suy nghĩ về thành tích của mình trên sân chơi quốc tế trong thời gian qua, từ đó rút ra các bài học để có thể cải thiện được vị trí của mình trên trường quốc tế trong tương lai?

(Theo VietNamNet, 25/1/2006)

* Tức là chỉ gồm tác giả Việt Nam, và theo cách hiểu của họ, được thực hiện bằng nguồn “nội lực”. Dĩ nhiên tiêu chí “thuần Việt” hay số lượng bài báo không hẳn đã phản ánh đúng thực trạng nghiên cứu khoa học của một cá nhân hay tập thể.

Tin Toán học thế giới

LĐTHTG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG LẦN THỨ 15

Đại Hội Đồng lần thứ 15 của LĐTHTG sẽ họp tại Santiago de Compostela, Tây Ban Nha, 19-20 tháng Tám, hai ngày trước ngày khai mạc của ICM-2006 (từ 22 đến 30 tháng Tám, tại Madrid, Tây Ban Nha). Về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu của Đại Hội Đồng, bạn đọc có thể tham khảo thêm ở bài giới thiệu về LĐTHTG trong TTTH, tập 8, số 2(2004).

CÁC BÁO CÁO MỜI TOÀN THỂ TẠI ICM-2006



Ban Tổ chức và Ban Chương trình ICM-2006 vừa công bố danh sách các nhà Toán học được mời báo cáo tại các phiên họp toàn thể và tại các tiểu ban.

Danh sách các báo cáo viên tại các phiên họp toàn thể:

- Percy Deift, Courant Institute of Mathematical Sciences, New York University, USA.
- Jean-Pierre Demailly, Universite Joseph Fourier, Grenoble, France.
- Ronald Devore, University of South Carolina, USA.
- Yakov Eliashberg, Stanford University, USA.
- Etienne Ghys, Ecole Normale Superieure de Lyon, France.
- Richard Hamilton, Columbia University, USA.
- Henryk Iwaniec, Rutgers University, USA.
- Lain Johnstone, Stanford University, USA.

- Kazuya Kato, Kyoto University, Japan.
- Robert V. Kohn, Courant Inst. of Math. Sciences, New Yourk University, USA.
- Ib Madsen, Aarhus University, Denmark.
- Arkadi Nemirovski, Technion-Israel Inst. of Technology, Israel.
- Sorin Popa, University of California, USA.
- Alfio Quarteroni, Ecole Polytechnique, Switzerland.
- Oded Schramm, Microsoft Corporation, USA.
- Richard P. Stanley, MIT, USA.
- Terence Tao, University of California, USA.
- Juan Luis Vazquez, University of Madrid, Spain.
- Michele Vergne, Ecole Polytechnique, France.
- Avi Wigderson, Institute for Advanced Study, Princeton, USA.

Danh sách các báo cáo viên mời tại các tiểu ban: có tất cả 169 báo cáo mời tại các tiểu ban, bao gồm cả 3 báo cáo mời tại Liên tiểu ban (TB Đại số, TB Lý thuyết số, TB Tôpô). Ngoài ra còn có 3 cuộc thảo luận bàn tròn tại TB Giảng dạy toán học và Phổ biến toán học. Danh sách các báo cáo viên tại các tiểu ban, xin xem cụ thể trên trang Web: <http://www.icm2006.org>

CÁC SINH HOẠT ĐẶC BIỆT TẠI ICM-2006

1. Thảo luận bàn tròn ICM-2006: Toán học lý thuyết và Toán học ứng dụng có tách rời nhau?
Chủ trì: John Ball, Chủ tịch LĐTHTG
Các báo cáo viên: Lennart Carleson, Ronald Coifman, Yuri Manin, Peter Sarnak.
2. Báo cáo đặc biệt về Giả thuyết Poincaré: John Morgan, Columbia University, New York, USA.

3. Emmy Noether Lecture: Yvonne Choquet-Bruhat: Mathematical problems in general relativity.

Về Noether Lecture, bạn đọc có thể tham khảo thêm bài Emmy Noether và các Noether Lecture trong TTTH tập 8, số 1(2005).

4. Thảo luận bàn tròn: e-Learning Mathematics

Chủ trì: Sebastian Xambó Descamps
Các báo cáo viên: Hyman Bass, Hilda Bolanos Evia, Ruedi Seiler, Mika Seppala

CÁC HỘI NGHỊ VỆ TINH CỦA ICM-2006

Ban Tổ chức ICM-2006 vừa ra quyết định công nhận tiếp các hội nghị sau đây là các hội nghị vệ tinh của ICM-2006:

- Sixth International Workshop on Automated Deduction in Geometry, ADG-2006 Pontevedra 31 Aug-2 Sept.
- Stochastic Analysis in Mathematical Physics Lisboa (Portugal) 4-8 September
- CIMPA-School: New Trends in Singularities, Madrid 14-21 August.
- 7th International Conference on Monte Carlo and Quasi-Monte Carlo Methods in Scientific Computing, Ulm (Germany) 14-18 August.
- International Summer School and Workshop on Operator Algebras, Lisboa, Portugal, 1-5 September.
- Workshop From Lie algebras to quantum groups. Coimbra, Portugal, 28-30 June.
- Geometric and Asymptotic Group Theory with Applications. Manresa, Barcelona, 1-5 September.
- International Congress on K-Theory and non-commutative geometry. Valladolid 31 Aug — 6 Sept.
- CR Geometry and PDE's CIRM-Trento, Italy, 3-8 September.
- II Euro—Japanese Workshop on Blow-up. Escorial, Madrid, 4-8 September.

Các hội nghị vệ tinh khác, bạn đọc có thể tham khảo thêm ở mục Tin Toán học Thế giới trong TTTH Tập 9, các số 1 và 4.

KỶ LỤC VỀ SỐ NGUYÊN TỐ LỚN NHẤT LAI BỊ PHÁ

Chương trình Tìm kiếm số nguyên tố Mersenne lớn trên Internet, tên viết tắt quốc tế là GIMPS (The Great Internet Mersenne Prime Search), vừa tìm được số nguyên tố Mersenne thứ 43 và là số nguyên tố lớn nhất được biết cho đến thời điểm hiện tại. Đó là số $2^{30.402.457} - 1$ có trên chín triệu con số (số nguyên tố Mersenne là số nguyên tố có dạng $2^p - 1$). Số nguyên tố này do một tập thể các nhà toán học, đứng đầu là GS Curtis Cooper, ĐH Central Missouri, tìm thấy khi tham gia GIMPS. GIMPS là một chương trình tính toán phân tán, sử dụng thời gian nhàn rỗi của các máy tính nối mạng Internet trên phạm vi toàn thế giới.

JAMES G. GLIMM ĐƯỢC BẦU LÀ CHỦ TỊCH BẦU CỦA HỘI TOÁN HỌC MỸ

James G. Glimm, ĐH Stony Brook, vừa được bầu là Chủ tịch bầu mới của Hội Toán học Mỹ (AMS). Nhiệm kỳ của Ông bắt đầu từ 1 tháng Hai năm 2006 và đúng một năm sau, Ông sẽ trở thành Chủ tịch chính thức của AMS.

TIN VUI ĐẦU NĂM

Nhân dịp năm mới, GS John Ball, Chủ tịch LĐTHTG, đã được Nữ hoàng Anh phong tặng danh hiệu Hầu tước. Xin chúc mừng ngài Hầu tước John Ball!

Thông báo số 1

GEOMETRY AND PHYSICS: ASPECTS OF QUANTIZATION
International Graduate School and Conference
Hanoi University of Education, June 12-17, 2006

Hội nghị do Trường ĐHSP Hà Nội tổ chức, nhằm thúc đẩy công tác nghiên cứu Toán học và đào tạo những nhà toán học trẻ. Hội nghị sẽ nghe các báo cáo về những kết quả nghiên cứu quan trọng và mới nhất trong lĩnh vực Hình học & Vật lý và các vấn đề liên quan. Ngoài ra, Hội nghị cũng là cơ hội để các bạn sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh trong cả nước tiếp xúc và làm việc với những nhà toán học đầu ngành về lĩnh vực trên.

I. Ban tổ chức Hội nghị: Đỗ Ngọc Diệp (Hanoi Institute of Mathematics), Đỗ Đức Thái (Hanoi University of Education), Aissa Wade (Penn State, USA), Ping Xu (Penn State, USA), Nguyen Tien Zung (University of Toulouse, France).

II. Kế hoạch Hội nghị:

1. Khai mạc vào **8h30** ngày **12/6/2006** và tiến hành trong năm ngày **12 - 17/6/2006**.
2. Địa điểm: **Phòng họp số 1 nhà Hiệu bộ trường ĐHSP HN.**
3. Trong các ngày 17-18/6/2006 sẽ tổ chức tham quan Cát Bà- Hạ Long.

III. Các báo cáo mời: Những nhà toán học sau đây đã nhận lời mời đọc báo cáo tại Hội nghị: Michele Audin (Univ. Louis Pasteur, Strasbourg, France), Fancesco Bonechi (I.N.F.N., Italy), Henryque Bursztyn (IMPA, Rio de Janeiro, Brazil), Nicola Ciccoli (Univ. degli Studi di Perugia, Italy), Ben Davis (Saint Mary's College of California, USA), Rui-Loja Fernandes (Inst. Superior Tecnico, Lisbon, Portugal), Alessandra Frabetti (Univ. Lyon I, France), Gregory Ginot (ENS Cachan & Universite Paris 13, France), Viktor Ginzburg (Univ. of California at Santa Cruz, USA), Tara Holm (Univ. of Connecticut, USA), David Iglesias (Univ. of La Laguna, Spain), Camille Laurent (Univ. de Poitiers, France), Sergei MERKULOV (Stockholm Univ., Sweden), Reyer Sjamaar (Cornell Univ., USA), Boris TSYGAN (Northwestern Univ., USA), VU Ngoc San (Institut Fourier, Grenoble, France), Ingo Waschkie (Univ. Nice, France), Marco Zambon (Univ. of Zurich, Switzerland), Aissa Wade (Penn State, USA), Ping Xu (Penn State, USA), Nguyen Tien Zung (Univ. of Toulouse, France), Do Ngoc Diep (Hanoi Institute of Mathematics).

IV. Thời hạn đăng ký và xin tài trợ: Đăng ký theo mẫu dưới đây bằng thư, Fax hoặc email **trước ngày 30/4/2006**. Ban tổ chức sẽ tài trợ cho một số bạn trẻ trong chừng mực kinh phí cho phép. Tất cả những ai có nhu cầu xin tài trợ cần gửi đơn và thư giới thiệu của một nhà toán học có uy tín tới Ban tổ chức **trước ngày 30/4/2006**.

V. Địa chỉ liên lạc: GS TSKH Đỗ Đức Thái, Khoa Toán-Tin Đại học sư phạm Hà nội, 136 đường Xuân Thủy- Cầu Giấy- Hà Nội; Email : ddthai@netnam.org.vn

Phiếu đăng ký tham dự Hội nghị "Geometry and Physics: Aspects of Quantization"

Họ và tên:

Địa chỉ liên hệ:

Nơi công tác:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Có đăng ký báo cáo không:
tiếng Anh)

(Nếu có báo cáo xin gửi kèm theo Tóm tắt báo cáo bằng

Ngày tháng năm 2006

Kí tên

**International School and Workshop:
Polynomial Automorphisms and Related Topics
9-20/10/2006, Hanoi, Vietnam
<http://www.math.ac.vn/conference/ICPA2006/>**

Trường thu và Hội nghị quốc tế do **Viện Toán học (Viện KH&CN Việt nam)** và **Trung tâm Vật lý Lý thuyết quốc tế Abdus Salam ICTP, Italy**, đồng tổ chức. Mục đích của hoạt động này nhằm giới thiệu cho các sinh viên năm cuối, học viên cao học, nghiên cứu sinh và cán bộ trẻ về những tiếp cận cơ bản và các phát triển gần đây trong lĩnh vực nghiên cứu đẳng cấu đa thức, giả thuyết Jacobi và các vấn đề liên quan trong Đại số giao hoán và Hình học Affine. Đây cũng là một dịp thúc đẩy sự hợp tác nghiên cứu giữa các nhà toán học của Việt nam, các nước đang phát triển và các nước phát triển trên thế giới.

Ban tổ chức: A. Van den Essen (Radboud University, Netherlands), D. Wright (Washington University, USA), L. T. Hoa, N.V. Châu (Viện Toán Học).

Ban Khoa học: Hymann Bass (Michigan Univ.,USA); Sh. Abhyankar (Purdue Univ., USA); A. Van den Essen (Radboud Univ. of Nijmegen, Netherlands); Le Dung Trang (ICTP, Italy); C. Camacho (IMPA, Brazil); D. Wright (Washington Univ., USA); H. H. Vui, N. V. Trung, H. H. Khoái, N. V. Châu (Viện Toán học).

Chương trình khoa học:

1) Trường Thu được tiến hành trong tuần đầu, 9-13/10, bao gồm 5 loạt bài giảng: *Polynomial Automorphisms* (D. Wright), *The Jacobian conjecture* (A. Van den Essen), *Group Actions* (H. Kraft), *Embedding Problems* (P. Rusell); *Topology of Polynomials* (H.V. Ha).

2) Tuần thứ hai dành cho hội nghị quốc tế về các phát triển gần đây trong lĩnh vực Đẳng cấu đa thức và các vấn đề liên quan trong Đại số giao hoán và Hình học affine, với phần lớn là các báo cáo mời của các chuyên gia quốc tế trong lĩnh vực này. Ngoài ra, hội nghị cũng dành một phần thời gian để trình bày các báo cáo khác.

Hội nghị phí: 100. 000 đ/đại biểu trong nước; 100 USD /đại biểu ngoài nước.

Thời hạn đăng ký: Đăng ký tham dự và đăng ký báo cáo trước 9/6/2006.

Tài trợ: Ban tổ chức sẽ xem xét tài trợ cho một số sinh viên và cán bộ trẻ từ các tỉnh xa một phần chi phí đi lại và ăn ở. Người xin tài trợ cần viết đơn gửi ban tổ chức trước 9/5/2006. Riêng đối với các sinh viên và học viên cao học cần có giấy giới thiệu của một nhà toán học có uy tín. Những người tham dự cả Trường Thu sẽ được miễn hội nghị phí và được tài trợ tiền ăn.

Địa chỉ liên hệ:

ICPA2006 (Nguyễn Văn Châu)
Viện Toán Học, 18 Hoàng Quốc Việt, Hà nội.
Fax 0084-4-7564303, E-mail: .

Mẫu phiếu đăng ký tham dự

**International School and Workshop: Polynomial Automorphisms and Related Topics
Hà Nội, 9-20/10/2006**

Họ và tên:

Cơ quan:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tôi đăng ký tham dự hội nghị []

Tôi đăng ký báo cáo []

Ngày tháng năm 2006

Ký tên

(Tóm tắt báo cáo bằng tiếng Anh xin gửi kèm theo đăng ký hoặc gửi file theo e-mail.)

Thông báo số 1

**Hội nghị khoa học: Một số vấn đề thời sự trong
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ ỨNG DỤNG TOÁN HỌC (ITMATH'06)
Hà Nội □ 13-14/10/2006**

MỤC ĐÍCH: ITMATH'06 được tổ chức như là một hoạt động thiết thực kỷ niệm 40 năm thành lập Học viện Kỹ thuật Quân sự, nhằm tạo diễn đàn để các nhà khoa học trong và ngoài nước công bố, trao đổi các kết quả nghiên cứu liên quan đến các lĩnh vực ứng dụng Toán học và một số vấn đề thời sự trong Công nghệ Thông tin.

CÁC ĐƠN VỊ ĐỒNG TỔ CHỨC: Học viện KTQS (Bộ Quốc Phòng), Trung tâm KHKT & CNQS (Bộ Quốc Phòng), Viện Toán học, Viện CNTT (Viện KH&CN Việt Nam).

BAN CỐ VẤN KHOA HỌC: TSKH Nguyễn Quang Bắc (Phó Giám đốc TTKHKT & CNQS), GS.TSKH Hà Huy Khoái (Viện trưởng Viện Toán học), PGS.TS Lê Hải Khôi (Viện trưởng Viện CNTT), GS TSKH Phạm Thế Long (Phó Giám đốc Học viện KTQS).

BAN CHƯƠNG TRÌNH: Trưởng ban: GS TSKH Phạm Thế Long (Học viện KTQS). Các phó Trưởng ban: PGS.TSKH Chu Việt Cường (TTKHKT&CNQS), GS.TSKH Lê Tuấn Hoa (Viện Toán học), PGS.TS Lê Hải Khôi (Viện CNTT). Ủy viên: GS.TSKH Phạm Kỳ Anh (ĐHQG Hà Nội), PGS.TS Đoàn Văn Ban (Viện CNTT), TSKH Nguyễn Quang Bắc (TTKHKT&CNQS), PGS.TSKH Phạm Huy Điền (Viện Toán học), TS Nguyễn Xuân Hoài (Học viện KTQS), PGS.TSKH Nguyễn Xuân Huy (Viện CNTT), GS.TS Nguyễn Quý Hy (ĐHQG Hà Nội), PGS.TS Vũ Đức Thi (Viện CNTT), PGS.TS Nguyễn Xuân Viên (Học viện KTQS), PGS.TS Nguyễn Văn Xuất (Học viện KTQS).

BAN TỔ CHỨC: Trưởng ban: PGS TS Nguyễn Văn Xuất (Học viện KTQS). Các phó Trưởng ban: TS Lê Quang Đức (TTKHKT&CNQS), PGS.TS Vũ Đức Thi (Viện CNTT). Ủy viên: TS Đỗ Cao Bảo (Công ty FPT), TS Dương Tử Cường (Học viện KTQS), PGS.TS Nguyễn Đức Hiếu (Học viện KTQS), TS Vũ Quốc Khánh (Bộ BC-VT), PGS.TS Nguyễn Thiện Luận (Học viện KTQS), TS Đinh Quang Thái (Học viện KTQS), TS Thái Lê Thắng (TTKHKT&CNQS), TS Đào Thanh Tinh (Học viện KTQS), PGS.TS Nguyễn Xuân Viên (Học viện KTQS).

BAN THƯ KÝ: Trưởng ban: Nguyễn Đức Hiếu (Học viện KTQS). Phó trưởng ban: Nguyễn Thiện Luận (Học viện KTQS). Ủy viên: Tô Văn Ban (Học viện KTQS), Nguyễn Xuân Hoài (Học viện KTQS), Nguyễn Mạnh Hùng (Học viện KTQS).

NỘI DUNG: ITMATH'06 tập trung vào các chủ đề (nhưng không giới hạn chỉ trong các chủ đề này): Tối ưu hoá và điều khiển tối ưu; Xác suất-Thống kê; Cơ sở Toán trong Tin học; Ứng dụng Toán học trong các lĩnh vực; An ninh, an toàn mạng và các hệ thống Tin học; Các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu; Khai phá dữ liệu và tri thức; Trí tuệ nhân tạo và các vấn đề liên quan; Mạng Neuron và ứng dụng; Công nghệ 3D và xử lý ảnh; Mô phỏng và hiện thực ảo.

THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC: ITMATH'06 sẽ được tổ chức từ ngày 13-14/10/2006 tại Học viện KTQS. Các báo cáo, tham luận về các kết quả nghiên cứu, triển khai sẽ được trình bày tại các phiên Tiểu ban. Những báo cáo có chất lượng sau Hội nghị sẽ được tuyển chọn để công bố chính thức như một công trình khoa học.

Trong khuôn khổ ITMATH'06, Hội thảo lần thứ 3 khu vực Châu Á-TBD về Lập trình GEN (The Third Asian-Pacific Workshop on Genetic Programming - ASPGP2006) cũng sẽ được tổ chức. Các thông tin liên quan đến Hội thảo này có thể tham khảo trên trang WEB theo địa chỉ <http://www.aspgp.org/>

ĐĂNG KÝ BÁO CÁO: Các tác giả đăng ký báo cáo tại ITMATH'06 cần gửi cho Ban Tổ chức một bản tóm tắt báo cáo mở rộng dài từ 1-2 trang A4 nêu rõ những kết quả khoa học chính sẽ được trình bày. Bài tóm tắt cần có tiêu đề báo cáo, tên tác giả, chức danh, địa chỉ e-mail, điện thoại, fax (nếu có). Khuyến khích việc đăng ký và gửi tóm tắt báo cáo qua thư điện tử.

CÁC THỜI HẠN CHÍNH: Đăng ký tham dự : 31/07/2006

Gửi tóm tắt báo cáo mở rộng: 15/09/2006; Kháng định tham dự: 01/10/2006.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ: Khoa Công nghệ thông tin; Học viện Kỹ thuật Quân sự; 100 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội. Tel: (04) 8360897; E-mail: CNTT@lqdtu.edu.vn

TIN TỨC HỘI VIÊN VÀ HOẠT ĐỘNG TOÁN HỌC

Giải thưởng khoa học Viện Toán học 2005: Theo thông lệ, Hội đồng khoa học Viện Toán học đã xem xét và bỏ phiếu bầu Giải thưởng của Viện năm 2005 cho một số ứng viên. Rất tiếc năm nay không ứng viên nào được đề nghị trao Giải thưởng, vì không đạt đủ số phiếu.

Trách nhiệm mới: PGS-TS Ngô Sĩ Tùng được cử làm Phó hiệu trưởng Trường ĐH Vinh từ tháng 11/2005. Tốt nghiệp Khoa Toán ĐHSP Vinh năm 1977, bảo vệ Tiến sĩ năm 1995 dưới sự hướng dẫn của GS-TSKH Đinh Văn Huỳnh về Đại số. Ông được phong PGS năm 2002. Các năm 1998 — 2002 Ông là Phó trưởng khoa và 2002-2005 Ông là Trưởng khoa Toán ĐH Vinh.

Danh sách các hội viên đã đóng hội phí năm 2005

ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP I

- 1 Trần Kim Anh
- 2 Nguyễn Hữu Bầu
- 3 Nguyễn Kim Bình
- 4 Nguyễn Văn Định
- 5 Hoàng Thị Thanh Giang
- 6 Nguyễn Hoàng Huy
- 7 Đào Thu Huyền
- 8 Phạm Thị Nga
- 9 Phan Quang Sáng
- 10 Nguyễn Thị Minh Tâm
- 11 Nguyễn Hải Thanh
- 12 Vũ Kim Thành
- 13 Nguyễn Thị Bích Thủy
- 14 Phạm Minh Trường
- 15 Bùi Nguyên Viễn
- 16 Lê Đức Vĩnh

ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

- 17 Bùi Thế Anh
- 18 Nguyễn Cam
- 19 Đậu Thế Cấp
- 20 Lê Thị Hoài Châu
- 21 Đinh Công Chủ
- 22 Phan Thiệu Danh
- 23 Trịnh Công Diệu
- 24 Tăng Minh Dũng
- 25 Trần Trí Dũng
- 26 Nguyễn Văn Đông
- 27 Đinh Công Gắng
- 28 Nguyễn Bích Huy
- 29 Trần Huyền
- 30 Nguyễn Quang Hưng
- 31 Trần Duy Hưng

- 32 Lê Thị Thiên Hương
- 33 Lê Hoàn Hoá
- 34 Nguyễn Đình Lân
- 35 Phan Trường Linh
- 36 Nguyễn Chí Long
- 37 Phạm Thị Tuấn Mỹ
- 38 Trần Tuấn Nam
- 39 Nguyễn Thị Nga
- 40 Lê Văn Phúc
- 41 Mỵ Vinh Quang
- 42 Nguyễn An Sum
- 43 Dương Lương Sơn
- 44 Nguyễn Thái Sơn
- 45 Phan Quốc Sỹ
- 46 Nguyễn Duy Thanh
- 47 Nguyễn Hà Thanh
- 48 Lê Ngô Hữu Lạc Thiện
- 49 Bùi Tường Trí
- 50 Lê Minh Trung
- 51 Lê Thị Bảo Thiên Trung
- 52 Lê Quang Tuấn
- 53 Nguyễn Anh Tuấn
- 54 Nguyễn Văn Vĩnh
- 55 Lê Anh Vũ

ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HN II

- 56 Nguyễn Ngọc Anh
- 57 Phạm Lương Bằng
- 58 Trần Văn Bằng
- 59 Bùi Văn Bình
- 60 Bùi Kiên Cường
- 61 Nguyễn Trung Dũng
- 62 Dương Thị Hà
- 63 Nguyễn Văn Hà
- 64 Đào Thị Hoa
- 65 Nguyễn Văn Hùng
- 66 Nguyễn Quang Huy

67 Kiều Văn Hưng
 68 Nguyễn Huy Hưng
 69 Nguyễn Phụ Hy
 70 Nguyễn Quý Khang
 71 Dương Thị Luyện
 72 Nguyễn Thị Kiều Nga
 73 Khuất Văn Ninh
 74 Nguyễn Năng Tâm
 75 Vương Thông
 76 Đinh Văn Thủy
 77 Trần Mạnh Tiến
 78 Phan Hồng Trường
 79 Trần Minh Tước
 80 Nguyễn Văn Vạn
 81 Trần Tuấn Vinh

CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NGHỆ AN

82 Hoàng Quỳnh Anh
 83 Lê Võ Bình
 84 Lưu Đức Chính
 85 Đặng Thị Hiền
 86 Nguyễn Đình Hùng
 87 Vũ Anh Hoa
 88 Phan Thị Phương Lan
 89 Thái Thị Nam Liên
 90 Đào Mạnh Quang
 91 Nguyễn Hoài Quyền
 92 Vũ Hồng Thanh
 93 Hoàng Bá Thịnh
 94 Lê Ngọc Thuý
 95 Trần Thị Cẩm Thơ
 96 Nguyễn Xuân Tuấn
 97 Nguyễn Thị Xuân

VIỆN CHIẾN LƯỢC VÀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

98 #Nguyễn Hữu Châu
 99 Ngô Hữu Dũng
 100 #Đỗ Tiến Đạt
 101 Đỗ Đình Hoan
 102 #Trần Kiều
 103 #Trần Luận
 104 #Phan Thị Luyện
 105 *Nguyễn Thị Lan Phương
 106 #Phạm Đức Quang
 107 #Tôn Thân
 108 #Trần Văn Vuông

ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÁI NGUYÊN

109 #Trần Nguyên An
 110 Phạm Hiến Bằng
 111 Luyện Thị Bình
 112 Trần Việt Cường
 113 *Phạm Việt Đức
 114 #Cao Thị Hà

115 Dương Quang Hải
 116 *Trình Thanh Hải
 117 #Bùi Thế Hùng
 118 Nguyễn Văn Hoàng
 119 #Bùi Thị Hạnh Lâm
 120 Nguyễn Tuấn Long
 121 #Nguyễn Thị Tuyết Mai
 122 #Phạm Tuyết Mai
 123 Nguyễn Đức Mạnh
 124 #Nguyễn Thị Minh
 125 #Trần Đình Minh
 126 #Trần Huệ Minh
 127 #Nguyễn Danh Nam
 128 #Nguyễn Thị Ngân
 129 #Nguyễn Đức Ninh
 130 #Hà Trần Phương
 131 #Lê Tùng Sơn
 132 #Lưu Phương Thảo
 133 #Phan Thị Phương Thảo
 134 #Phạm Thị Thuý
 135 #Nông Đình Tuấn
 136 #Đỗ Thị Trinh

ĐẠI HỌC KHTN TP. HCM

137 Bùi Bội Minh Anh
 138 Nguyễn Hữu Anh
 139 Trần Tuấn Anh
 140 Phạm Thế Bảo
 141 Trần Ngọc Danh
 142 Tô Anh Dũng
 143 Trần Nam Dũng
 144 Trịnh Thanh Đào
 145 Dương Minh Đức
 146 Thái Minh Đường
 147 Nguyễn Việt Đông
 148 Dũng Đình Văn Hà
 149 Bùi Xuân Hải
 150 Nguyễn Xuân Hùng
 151 Tống Việt Phi Hùng
 152 Nguyễn Vũ Huy
 153 Lê Văn Hợp
 154 Trần Ngọc Hội
 155 Trần Thị Lệ
 156 Nguyễn Thị Hồng Linh
 157 Nguyễn Hiền Lương
 158 Trịnh Quốc Lương
 159 Nguyễn Ngọc Long
 160 Nguyễn Thành Long
 161 Nguyễn Hoàng Lộc
 162 Lê Thị Xuân Mai
 163 Nguyễn Thị Thanh Nhân
 164 Nguyễn Thành Nhựt
 165 Lý Kim Ngân
 166 Trịnh Anh Ngọc
 167 Nguyễn Văn Quang
 168 Ung Ngọc Quang
 169 Phạm Hoàng Quân
 170 Trần Tấn Quốc
 171 Chung Nhân Phú
 172 Nguyễn Đình Phư
 173 Ngô Thành Phong

Đóng cả hội phí năm 2006

* Chỉ đóng năm 2006

174	Nguyễn Giang Sơn
175	Nguyễn Công Tâm
176	Đình Ngọc Thanh
177	Trần Thanh
178	Hà Văn Thảo
179	Võ Đăng Thảo
180	Lê Vĩnh Thuận
181	Nguyễn Văn Thủy
182	Bùi Quốc Tính
183	Nguyễn Đình Tuấn
184	Phan Thanh Toàn
185	Lê Minh Trí
186	Lê Bá Khánh Trình
187	Nguyễn Thời Trung
188	Đặng Đức Trọng
189	Nguyễn Thế Uy
190	Nguyễn Thanh Vũ
191	Phạm Thị Vương

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

192	Nông Quốc Chinh
193	Nguyễn Thị Dung
194	Phạm Thị Thu Hằng
195	Nguyễn Thị Hương
196	Nguyễn Đức Lượng
197	Nguyễn Độc Lập
198	Nguyễn Thị Thanh Mai
199	Nguyễn Văn Minh
200	Lê Thanh Nhân
201	Lê Lương Tài
202	Trần Văn Thăng
203	Nguyễn Thị Thu Thủy
204	Đình Trung Thực
205	Nguyễn Quý Tích
206	Hoàng Ngọc Tuất
207	Trần Đức Toàn

ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

208	Cung Thế Anh
209	Khu Quốc Anh
210	Nguyễn Thành Anh
211	Trịnh Tuấn Anh
212	Phạm Khắc Ban
213	Nguyễn Hùng Chính
214	Vũ Quốc Chung
215	Bùi Thị Thu Cúc
216	Doãn Minh Cường
217	Trần Cường
218	Nguyễn Văn Cơ
219	Nguyễn Quang Diệu
220	Lê Anh Dũng
221	Nguyễn Văn Dũng
222	Phạm Triều Dương
223	Ngô Duy Đò
224	Nguyễn Minh Hà
225	Nguyễn Sơn Hà
226	Nguyễn Thanh Hà
227	Vũ Thị Thu Hà
228	Lê Mậu Hải
229	Nguyễn Hắc Hải

230	Nguyễn Thanh Hào
231	Đặng Đình Hanh
232	Bùi Huy Hiền
233	Lê Văn Hiện
234	Phạm Hoàng Hiệp
235	Nguyễn Mạnh Hùng
236	Hà Duy Hưng
237	Đào Thu Hoà
238	Nguyễn Hữu Hoan
239	Tống Trần Hoàn
240	Nguyễn Đức Hoàng
241	Trần Đình Kế
242	Nguyễn Bá Kim
243	Nguyễn Văn Khải
244	Nguyễn Văn Khiêm
245	Nguyễn Văn Khuê
246	Phạm Vũ Khuê
247	Tạ Kim Lăng
248	Trần Thị Loan
249	Ngô Hoàng Long
250	Tăng Văn Long
251	Trần Văn Long
252	Nguyễn Đức Mạnh
253	Phùng Văn Mạnh
254	Tạ Mân
255	Đào Ngọc Minh
256	Lê Hoàng Minh
257	Nguyễn Công Minh
258	Bùi Văn Nghị
259	Đàm Văn Nhi
260	Nguyễn Ngọc Uy
261	Nguyễn Thị Phúc
262	Phạm Minh Phương
263	Vũ Đình Phương
264	Nguyễn Tiến Quang
265	Sĩ Đức Quang
266	Dương Ngọc Sơn
267	Nguyễn Kim Sơn
268	Nguyễn Tiến Tài
269	Trần Văn Tấn
270	Đỗ Đức Thái
271	Trương Hồng Thanh
272	Nguyễn Thị Thảo
273	Lê Đức Thịnh
274	Lưu Bá Thắng
275	Nguyễn Thị Thanh Thủy
276	Nguyễn Thu Thủy
277	Chu Cẩm Thơ
278	Nguyễn Anh Tuấn
279	Nguyễn Doãn Tuấn
280	Phạm Nguyễn Thu Trang
281	Nguyễn Văn Trào
282	Dương Quốc Việt
283	Phạm Văn Việt
284	Trần Quang Vinh
285	Vũ Việt Yên

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

286	Phan Quang Như Anh
287	Nguyễn Ngọc Châu
288	Trần Chín

289 Nguyễn Hữu Chiến
 290 Trần Bình
 291 Đặng Ngọc Dục
 292 Trần Độ
 293 Nguyễn Viết Đức
 294 Nguyễn Thị Hồng
 295 Bùi Tuấn Khang
 296 Phạm Quý Mười
 297 Lê Phú Nghĩa
 298 Phan Thị Ngũ
 299 Cao Văn Nuôi
 300 Nguyễn Thị Hà Phương
 301 Phan Thị Quán
 302 Trần Nhân Tâm Quyền
 303 Đặng Văn Riền
 304 Nguyễn Ngọc Siêng
 305 Nguyễn Thị Sinh
 306 Nguyễn Hoàng Thành
 307 Ngô Thị Bích Thuý
 308 Lê Hoàng Trí
 309 Phan Đức Tuấn
 310 Dương Quang Tú
 311 Đinh Thị Văn

VIÊN TOÁN HỌC

312 Phan Thành An
 313 Phạm Trà Ân
 314 Hà Huy Bằng
 315 Nguyễn Đình Công
 316 Đoàn Trung Cường
 317 Nguyễn Tự Cường
 318 Nguyễn Văn Châu
 319 Lê Văn Chóng
 320 Nguyễn Ngọc Chu
 321 Nguyễn Minh Chương
 322 Đỗ Ngọc Diệp
 323 Nguyễn Hoàng Dương
 324 Phạm Cảnh dương
 325 Hoàng Đình Dung
 326 Nguyễn Việt Dũng
 327 Nguyễn Tiến Đại
 328 Vũ Văn Đạt
 329 Phạm Huy Điển
 330 Nguyễn Hữu Điển
 331 Đặng Vũ Giang
 332 Trương Xuân Đức Hà
 333 Đỗ Đức Hạnh
 334 Đinh Nho Hòa
 335 Lê Tuấn Hoa
 336 Phạm Ngọc Hùng
 337 Phạm Minh Hiền
 338 Phan Huy Khải
 339 Hà Huy Khoái
 340 Trần Gia Lịch
 341 Lê Trọng Lục
 342 Đinh Quang Lưu
 343 Đỗ Văn Lưu
 344 Nguyễn Sĩ Minh
 345 Nguyễn Quang Minh
 346 Hoàng Tùng Ngọc
 347 Nguyễn Văn Ngọc

348 Hà Tiến Ngoạn
 349 Nguyễn Thị Hoài Phương
 350 Tạ Duy Phụng
 351 Nguyễn Ngọc Phan
 352 Bùi Văn Phát
 353 Vũ Ngọc Phát
 354 Hoàng Xuân Phú
 355 Hồ Đăng Phúc
 356 Phạm Hồng Quang
 357 Phạm Hữu Sách
 358 Nguyễn Khoa Sơn
 359 Nguyễn Duy Tân
 360 Ngô Đắc Tân
 361 Nguyễn Xuân Tấn
 362 Bùi Thế Tâm
 363 Phan Thiên Thạch
 364 Lê Công Thành
 365 Lê Văn Thành
 366 Trần Văn Thành
 367 Nguyễn Quốc Thắng
 368 Trần Hùng Thao
 369 Trần Vũ Thiệu
 370 Nguyễn Văn thu
 371 Hoàng Tụy
 372 Đào Quang Tuyển
 373 Đinh Hữu Toàn
 374 Nguyễn Minh Trí
 375 Ngô Việt Trung
 376 Trần Nam Trung
 377 Đỗ Long Vân
 378 Trần Đức Văn
 379 Nguyễn Khắc Việt
 380 Hà Huy Vui
 381 Nguyễn Đông Yên

ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

382 Phí Thị Vân Anh
 383 Nguyễn Nguyệt Bích
 384 Nguyễn Quốc Chiến
 385 Hoàng Vĩnh Cương
 386 Nguyễn Đức Hoàng
 387 Nguyễn Huy Hoàng
 388 Nguyễn Mạnh Hùng
 389 Nguyễn Thị Huyền
 390 Nguyễn Minh Khoa
 391 Vũ Văn Khương
 392 Lê Hồng Lan
 393 Trần Văn Long
 394 Trần Văn Minh
 395 Phạm Hồng Nga
 396 Nguyễn Cao Nhạc
 397 Nguyễn Văn Phấn
 398 Mai Nam Phong
 399 Lương Hữu Thanh
 400 Nguyễn Sĩ Anh Tuấn
 401 Lê Thanh Tùng
 402 Phan Văn Xế
 403 Nguyễn Văn Việt

#ĐẠI HỌC THUYẾT LỢI

404	Phó Đức Anh
405	Nguyễn Hữu Bảo
406	Nguyễn Mạnh Cường
407	Nguyễn Văn Đắc
408	Phạm Xuân Đồng
409	Trần An Hải
410	Nguyễn Đức Hậu
411	Phạm Thị Thanh Huyền
412	Nguyễn Quý Lăng
413	Nguyễn Xuân Lộc
414	Phan Thanh Lương
415	Nguyễn Văn Nhai
416	Đào Tấn Quy
417	Đỗ Hữu Thanh
418	Nguyễn Xuân Thảo
419	Trần Thị Thủy
420	Phạm Xuân Trung
421	Trịnh Tuấn
422	Nguyễn Thị Vân

CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HÀ NỘI

423	Nguyễn Quốc Bảo
424	Trần Thị Ngọc Diệp
425	Hoàng Thanh Hà
426	Phạm Xuân Hình
427	Nguyễn Thanh Hương
428	Nguyễn Thị Tuyết Thạch
429	Hoàng Trọng Thái
430	Đỗ Hồng Thủy
431	Nguyễn Văn Tuấn

§ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

432	Nguyễn Doanh Bình
433	Nguyễn Đình Bình
434	Đình Phú Bồng
435	Lê Cường
436	Trần Việt Dũng
437	Nguyễn Tuấn Dũng
438	Trần Nam Dũng
439	Phan Tăng Đa
440	Bùi Khởi Đàm
441	Đoàn Công Định
442	Lê Hải Hà
443	Trần Xuân Hiến
444	Nguyễn Thiệu Huy
445	Phan Trung Huy
446	Nguyễn Thanh Huyền
447	Bùi Tuấn Khang
448	Nguyễn Bạch Kim
449	Đặng Đình Lăng
450	Nguyễn Cảnh Lương
451	Nguyễn Viết Thu La
452	Phạm Huyền Linh

§ Đã đóng hội phí năm 2004 nhưng chưa được thống kê.

453	Lê Xuân Lý
454	Lê Đình Nam
455	Vũ Thành Nam
456	Nguyễn Đức Nghĩa
457	Vương Mai Phương
458	Nguyễn Xuân Quang
459	Tống Đình Quý
460	Lê Trọng Quỳnh
461	Lê Hồng Sơn
462	Phan Hữu Sản
463	Ngô Diễm Thanh
464	Nguyễn Phương Thủy
465	Lê Quang Thủy
466	Nguyễn Hữu Tiến
467	Trần Xuân Tiếp
468	Nguyễn Huy Trường
469	Nguyễn Đình Trí
470	Nguyễn Đăng Tuấn
471	Lê Trọng Vinh
472	Hà Thị Ngọc Yến
473	Nguyễn Phi Yến

HỌC VIỆN KỸ THUẬT QUÂN SỰ

474	Phạm Thế Anh
475	Tạ Ngọc Ánh
476	Tô Văn Ban
477	Dương Tử Cường
478	Mai Ngọc Diệu
479	Lưu Hồng Dũng
480	Phạm Tiến Dũng
481	Đào Bá Dương
482	Bùi Văn Định
483	Ngô Công Đô
484	Bùi Đông
485	Bùi Việt Hà
486	Nguyễn Thị Thanh Hà
487	Phan Thị Thu Hà
488	Vũ Thanh Hà
489	Nguyễn Đức Hiếu
490	Nguyễn Nam Hồng
491	Nguyễn Văn Hồng
492	Nguyễn Thị Thu Hương
493	Phạm Văn Khánh
494	Dương Hương Liên
495	Nguyễn Thiện Luận
496	Hy Đức Mạnh
497	Nguyễn Hữu Mộng
498	Nguyễn Hồng Nam
499	Nguyễn Đức Nụ
500	Phạm Ngọc Phúc
501	Võ Minh Phổ
502	Đào Trọng Quyết
503	Tạ Hiếu Tâm
504	Đình Quang Thái
505	Đào Thanh Tĩnh
506	Đỗ Anh Tuấn
507	Nguyễn Quốc Tuấn
508	Nguyễn Bá Tường
509	Nguyễn Xuân Viên
510	Nguyễn Văn Xuất
511	Bùi Hoàng Yến

ĐẠI HỌC XÂY DỰNG

512 Nguyễn Hoàng Anh
513 Nguyễn Lê Anh
514 Nguyễn Văn Bình
515 Trần Cảnh
516 Thạch Thị Chúc
517 Nguyễn Ngọc Cừ
518 Nguyễn Thạc Dũng
519 Thái Bình Dương
520 Lê Huy Đạm
521 Vũ Việt Đào
522 Trịnh Danh Đăng
523 Mai Văn Đước
524 Hoàng Thế Ân
525 Nguyễn Bằng Giang
526 Nguyễn Thị Lê Hải
527 Trịnh Thị Minh Hằng
528 Lê Huy Hoàng
529 Doãn Tam Hoè
530 Mai Thị Hồng
531 Nguyễn Văn Hột
532 Nguyễn Văn Hưng
533 Bùi Trọng Kiên
534 Nguyễn Văn Nghị
535 Nguyễn Thị Ngọc
536 Nguyễn Hồng Phú
537 Nguyễn Anh Sơn
538 Trần Thanh Sơn
539 Bùi Quốc Thắng
540 Nguyễn Thị Thuần
541 Trịnh Văn Thọ
542 Lương Thị Tuyết
543 Trần Đình Trọng

#ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

544 Trần Ngọc Anh
545 Nguyễn Hữu Đức
546 Đặng Phước Huy
547 Tạ Lê Lợi
548 Lê Minh Lưu
549 Nguyễn Vinh Quang
550 Phạm Tiến Sơn
551 Đỗ Nguyên Sơn
552 Vũ Văn Thông
553 Võ Tiến
554 Trương Chí Tín
555 Nguyễn Văn Vinh

CÁ NHÂN

556 Vũ Đình Hoà (*ĐHSP Hà Nội*)
557 *Vũ Hoài An (*CĐSP Hải Dương*)
558 Nguyễn Hồng Thuỷ (*Bảo hiểm xã hội tỉnh Yên Bái*)
559 *Vũ Quốc Khánh (*ĐHTây Bắc*)
560 *Đậu Xuân Lương (*CĐSP Quảng Ninh*)

561 Trần Đình Vợi (*THPT chuyên Lê Khiết, Quảng Ngãi*)
562 Ngô Xuân Phương (*ĐH Phòng cháy chữa cháy*)
563 Nguyễn Trung Chiến (*Hà Nội*)
564 *Mai Xuân Thảo (*ĐH Hồng Đức, Thanh Hoá*)
565 Đoàn Quang Mạnh (*PTTH Thái Phiên, Hải Phòng*)
566 Nguyễn Đăng Khoa (*Học viện Hành chính Quốc gia*)
567 *Hồ Thuần (*Hà Nội*)
568 Trần Vinh Đức (*Hà Nội*)
569 Bùi Hữu Thước (*CĐSP Ngô Gia Tự, Bắc Giang*)
570 *Nghiêm Đỗ Quyên (*THCS Nguyễn Trường Tộ, Hà Nội*)
571 *Đinh Văn Ruy (*ĐH Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh*)
572 Lê Thị Hoài Thu (*CĐSP Quảng Bình*)
573 *Tạ Hồng Quảng (*Vũng Tàu*)
574 Phan Viết Thư (*ĐHKHTN Hà Nội*)
575 *Hoàng Quang Tuyển (*UBND Tp. Đà Nẵng*)
576 *Phạm Văn Thọ (*ĐHSP Ngoại ngữ, Hà Nội*)
577 *Nguyễn Hữu Thọ (*NCS Viện Toán học*)
578 *Vũ Tiến Việt (*Học viện An ninh*)
579 *Hoàng Mai Lê (*Bộ Giáo dục và đào tạo*)
580 *Phạm Phú Tài (*HVCNBC Viễn thông, Hà Nội*)
581 Dương Đặng Xuân Thành (*Tp. Hồ Chí Minh*)
582 Hoàng Ngọc Tùng (*ĐH Dân lập Thăng Long*)
583 Cao Văn Bá (*PTTH Diễn Châu 3, Nghệ An*)
584 Trần Gia Lộc (*CĐSP Đà Lạt*)
585 *Nguyễn Xuân Huy (*Viện CNTT*)
586 *Nguyễn Phú Sơn (*THPT Yên Lạc, Vĩnh Phúc*)
587 Nguyễn Duy Thái Sơn (*PTTH chuyên Lê Quý Đôn, Đà Nẵng*)
588 Lê Anh Tuấn (*CĐSP Ninh Thuận*)
589 *Phạm Văn Lợi (*CĐ Điện lực, Hà Nội*)
590 Đỗ Thị Huyền Trang (*HV Báo chí tuyên truyền*)
591 Nguyễn Cao Trí (*ĐH Tôn Đức Thắng, Tp. Hồ Chí Minh*)
592 Nguyễn Trọng Hoà (*CĐSP Đắk Lắk*)
593 Hoàng Xuân Quảng (*ĐH An Giang*)
594 Đỗ Hồng Tân (*Hà Nội*)
595 Ngô Văn Lược (*Vũng Tàu*)
596 Hoàng Kỳ (*Hà Nội*)
597 Lê Hội (*Hà Nội*)
598 Võ Văn Minh (*CĐSP Quảng Nam*)
599 Ngô Lâm Xuân Châu (*ĐH Quy Nhơn*)

Mục lục

<i>Thư của Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng Gửi các Nhà Toán học</i>	1
Jean Mawhin <i>Henri Poincaré: Cuộc đời phục vụ khoa học</i>	3
Giải thưởng Lê Văn Thiêm	9
Tống Đình Quỳ <i>Hội nghị toàn quốc lần II về ứng dụng toán học và Đại hội II Hội ứng dụng toán học Việt Nam</i>	10
Đỗ Đức Thái <i>Hội nghị đại số □ Hình học □ Tô pô tàn quốc</i>	11
Hà Huy Tài <i>Trường đông CIMPA và Hội nghị quốc tế về Đại số giao hoán</i>	12
Nhìn ra thế giới	14
Tin toán học thế giới	15
Thông báo Hội nghị: Geometry and Physics: Aspects of Quantization ..	17
Thông báo Hội nghị: International School and Workshop: <i>Polynomial Automorphisms and Related Topics</i>	18
Thông báo Hội nghị: Một số vấn đề thời sự trong Công nghệ Thông tin và Ứng dụng Toán học	19
Tin tức hội viên	20
Danh sách các hội viên đã đóng hội phí năm 2005	20